

The background of the cover is a large-scale construction site, likely a port or industrial facility. It features numerous tall cranes, stacks of materials, and a large truck loaded with pipes. The scene is bathed in a warm, orange-red light, suggesting either sunrise or sunset. The construction site is the central visual element, providing context for the company's industry.

# ANNUAL REPORT

Báo cáo thường niên

2014



# Mục lục

Tổng quan FECON

3

Báo cáo  
Hoạt động kinh doanh

31

Báo cáo  
Phát triển bền vững

54

Báo cáo  
Tài chính hợp nhất

57

## Tổng quan FECON

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

4

Thông tin chung

6

Sơ đồ tổ chức

20

Giới thiệu Hội đồng Quản trị,  
Ban Điều hành & Ban Kiểm soát

22

Tình hình nhân sự & chính sách  
với người lao động

27



# Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi: Quý vị Cổ đông, Quý vị khách hàng và toàn thể CBNV Công ty,



Năm 2014 là dấu mốc quan trọng, kỷ niệm 10 năm hình thành và phát triển của FECON (18/06/2004 - 18/06/2014). Sau 10 năm nỗ lực, FECON đã cán đích mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về nền móng và công trình ngầm tại Việt Nam. Năm 2014 là năm chứng kiến sự tăng trưởng các chỉ tiêu tài chính cũng như sự mở rộng về quy mô, lĩnh vực hoạt động, thị trường cũng như đối tác khách hàng. Kết thúc năm 2014, tổng giá trị tài sản của FECON đã đạt gần 2.200 tỷ đồng, doanh thu đạt 1.354 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt trên 135 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 15% so với năm 2013. Trong năm 2014, hệ thống FECON đón nhận sự ra đời của hàng loạt các công ty thành viên, công ty liên kết đó là: Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC, Công ty CP Công trình ngầm FECON và gần đây nhất là sự ra đời của Công ty CP Cho thuê thiết bị xây dựng Kanamoto FECON Hassyu. Chúng ta cũng đã xây dựng các mối quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác quan trọng là các tập đoàn, tổng công ty lớn trong và ngoài nước như: COTECCONS, TEDI, CIENCO1, TREVI (Ý), RAITO, DBJ, KANAMOTO (Nhật Bản). Với các hoạt động xúc tiến đầu tư, ở thị trường trong nước, FECON tập trung tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng năng lượng. Với thị trường nước ngoài, FECON ưu tiên đẩy mạnh các hoạt động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh cũng như tìm kiếm các đối tác tại các nước: Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE), Nhật Bản, Hàn Quốc, CH Czech và các nước trong khu vực.

Năm 2014 cũng là năm FECON tham gia thi công ở hầu hết các công trình trọng điểm quốc gia như: Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4, Nhà máy Samsung Thái Nguyên, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Gần đây nhất đã chính thức đặt chân vào dự án công trình ngầm đầu tiên đó là tuyến tàu điện ngầm Metro số 1 TP Hồ Chí Minh cùng đối tác Raito đến từ

Nhật Bản. Đặc biệt, dự án đầu tư xây dựng QL1 đoạn tránh TP Phú Lý đánh dấu bước khởi đầu của FECON trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng. Bên cạnh đó, quyết tâm nâng cao năng lực quản trị cũng được Công ty dành ưu tiên thực hiện. Hệ thống hoạch định nguồn lực quản trị thông tin doanh nghiệp SAP ERP chính thức triển khai giúp Ban lãnh đạo Công ty có đủ các thông tin trong việc điều hành và đưa ra quyết định.

Với những nền tảng có được cộng với khả năng huy động nguồn lực, tinh thần đoàn kết, quyết tâm cao của tập thể Lãnh đạo, CBNV Công ty, tôi tin tưởng FECON tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, hoàn thành kế hoạch mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 1.800 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 168 tỷ đồng trong năm 2015, đồng thời nâng cao năng lực toàn diện, tận dụng cơ hội để bứt phá trở thành nhóm các doanh nghiệp hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam vào năm 2020.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty FECON, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quý vị Cổ đông, Quý vị khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước đã sát cánh cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Xin cảm ơn sự nỗ lực học hỏi, tinh thần đoàn kết, cống hiến hết mình, thái độ làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp của toàn thể cán bộ nhân viên FECON.

Tôi tin rằng, với tinh thần cầu thị, nỗ lực hết mình của chúng ta, FECON sẽ tiếp tục đà tăng trưởng nhanh, bền vững trên con đường "Thấu hiểu lòng đất, Chinh phục tầm cao".

T/M Hội đồng quản trị  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
  
**PHẠM VIỆT KHOA**

## GIỚI THIỆU

Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON là công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nền móng công trình, công trình ngầm đô thị, hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghiệp.

Thành lập ngày 18/6/2004 từ một nhóm các kỹ sư và chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật nền móng và công trình ngầm, có tâm huyết với

nghề, với sự năng động sáng tạo của đội ngũ lãnh đạo, sự chuyên nghiệp của đội ngũ quản lý, kỹ sư kết hợp với đội ngũ công nhân lành nghề, hệ thống thiết bị đồng bộ với những công nghệ hiện đại, đến nay FECON đã trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực nền móng công trình ngầm tại Việt Nam. Mục tiêu tới năm 2020, FECON sẽ trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về Hạ tầng tại Việt Nam.

## TẦM NHÌN 2020



FECON phấn đấu trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam.

## SỨ MỆNH



Sứ mệnh của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON là phát triển các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong kỹ thuật nền móng, công

trình ngầm và phát triển hạ tầng nhằm mang lại giải pháp tối ưu cả về kỹ thuật và kinh tế cho các công trình xây dựng, đóng góp thiết thực cho phát triển bền vững nền kinh tế nước nhà.

## TRIẾT LÝ KINH DOANH

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: *ích nước - lợi nhà.*
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng.
- Chất lượng, Hiệu quả, Đúng hạn để khắc ghi ấn tượng "Chuyên nghiệp" trong tâm thức của khách hàng.
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập.
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng.
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.



## Tăng trưởng Vốn điều lệ



FECON thành lập bởi nhóm các kỹ sư và chuyên gia đầu ngành

Đưa dây chuyền 01 nhà máy cọc FECON Hà Nam công suất 3.000 m dài cọc/ngày vào hoạt động

Thành lập Công ty xử lý nền FECON- Shanghai Harbor

Thành lập Viện nền móng công trình ngầm FECON

Đưa dây chuyền 02 nhà máy cọc FECON Hà Nam công suất 5.000 m dài cọc/ngày vào hoạt động

Thành lập FECON MILTEC

Niêm yết trên Sở GDCK HCM. Mã CK: FCN

Là thành viên Hiệp hội hầm và không gian ngầm thế giới

Thành lập FECON Nghi Sơn đáp ứng thị trường miền Trung

Mua mỏ đá Hải Đăng - Thanh Hóa

Đầu tư chiến lược vào các công ty hàng đầu về hạ tầng là TEDI, CIENCO1

Góp vốn triển khai dự án BOT Quốc lộ 1 - Đoạn tránh TP Phủ Lý

Nâng cao năng lực quản trị bằng hệ thống Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp SAP - ERP

Nhận được đầu tư chiến lược của DBJ vào Công ty tạo đà mở rộng cho sự hợp tác Quốc tế trên thị trường vốn

## Các mốc quan trọng

## Thông tin chung

### Tên tiếng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Tên tiếng Anh FECON FOUNDATION ENGINEERING AND UNDERGROUND CONSTRUCTION JSC.

Tên viết tắt FECON

### Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/6/2004

Địa chỉ Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại 04.62690481 Email info@fecon.com.vn Website www.fecon.com.vn

Vốn điều lệ

**457,2**  
TỶ VNĐ

Mã Cổ phiếu

**FCN**

Tên Chứng khoán

Cổ phiếu Công ty CP Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON





# Các chỉ tiêu kinh doanh nổi bật

Kết quả HĐKD	2010	2011	2012	2013	2014	TTBQ (%)
Doanh thu	359	914	1.007	1.204	1.354	39%
Lợi nhuận gộp	99	220	262	204	256	27%
Lợi nhuận trước thuế	67	117	127	149	169	26%
Lợi nhuận sau thuế	51	96	100	116	135	28%
Lợi nhuận thuộc về cổ đông công ty mẹ	50	86	94	102	130	27%

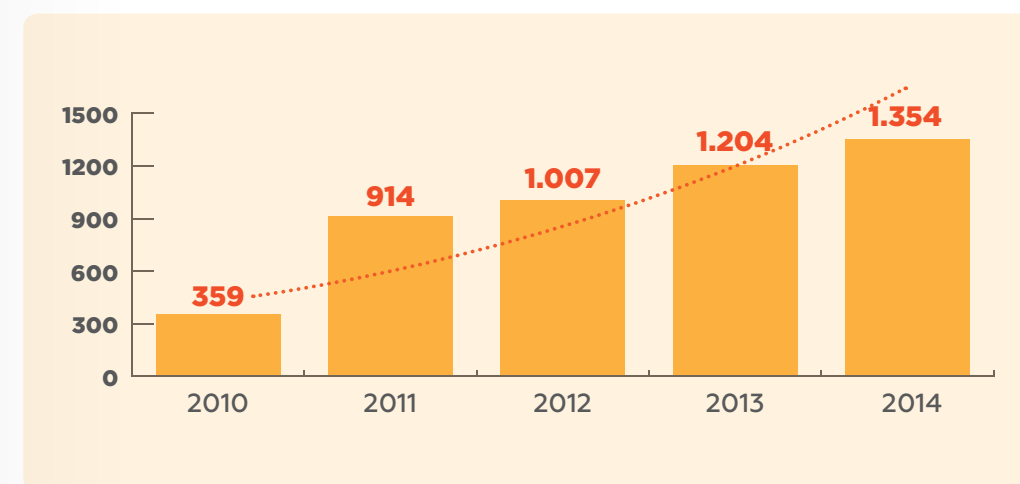
Đơn vị: tỷ VNĐ

Cân đối kế toán	2010	2011	2012	2013	2014	TTBQ (%)
Tổng tài sản	510	969	1.234	1.594	2.198	44%
Tài sản ngắn hạn	220	569	717	1.167	1.411	59%
Tài sản dài hạn	290	400	517	427	787	28%
Nợ ngắn hạn	137	434	579	849	1.032	66%
Nợ dài hạn	94	150	169	47	369	41%
Vốn chủ sở hữu	206	262	364	616	734	37%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	73	123	122	82	63	-4%

Đơn vị: tỷ VNĐ

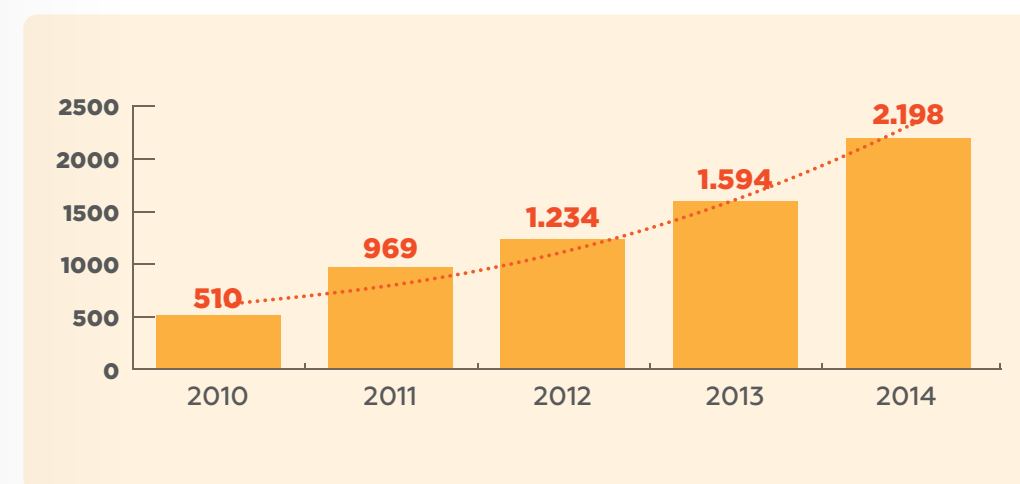
Các chỉ số chính	2010	2011	2012	2013	2014
<b>Tỷ lệ Lợi nhuận</b>					
Tỷ lệ lãi gộp/ Doanh thu	27,6%	24%	26%	17%	19%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	18,7%	12,8%	12,6%	12,4%	12,5%
Tỷ lệ lợi sau trước thuế/ Doanh thu	14,3%	10,5%	9,9%	9,7%	9,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ ROE	24,9%	36,7%	27,4%	18,9%	18,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ ROA	10%	10%	8%	7%	6%
<b>Thanh khoản</b>					
Tỷ lệ thanh toán hiện hành	1,6x	1,31x	1,24x	1,38x	1,37x
Tỷ lệ thanh toán nhanh	1,18x	0,74x	0,82x	1,24x	1,22x
<b>Đòn bẩy tài chính</b>					
Nợ/ VCSH	112,08%	223,08%	205,3%	145,27%	191%
Tổng tài sản/VCSH	246,8%	370,14%	338,83%	258,58%	299,54%

## Doanh thu



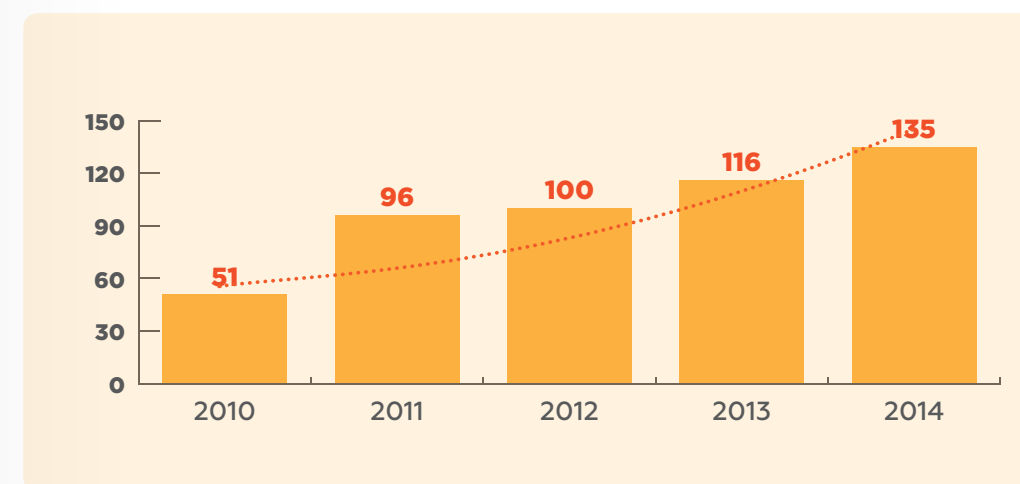
Đơn vị: tỷ VNĐ

## Tổng tài sản

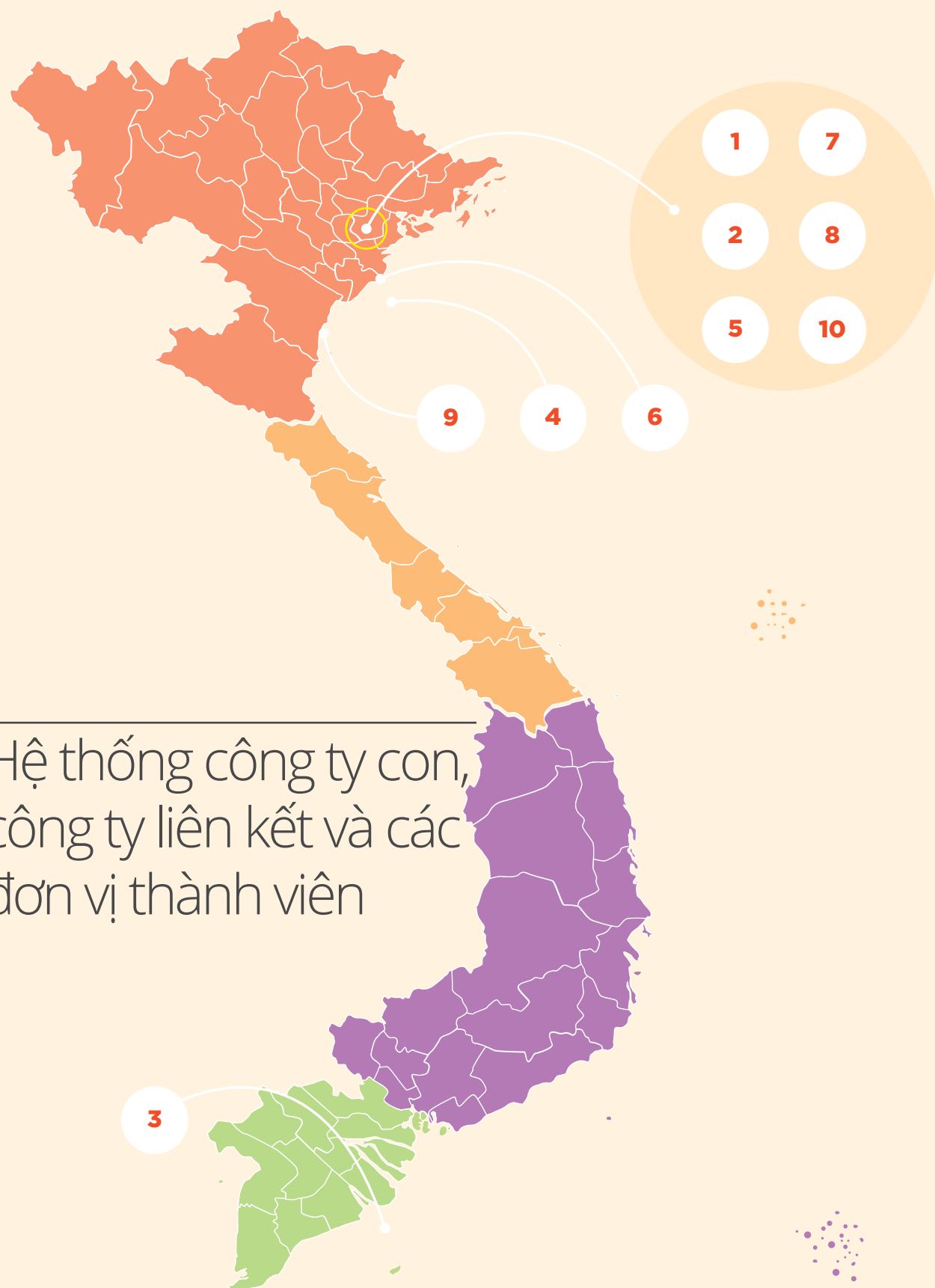


Đơn vị: tỷ VNĐ

## Lợi nhuận sau thuế



Đơn vị: tỷ VNĐ



## Công ty con

<b>1</b>	<b>VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM (HÀ NỘI)</b>	Vốn điều lệ <b>26.000.000.000</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>100%</b>	Doanh thu <b>51.990.497.839</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>5.018.768.566</b>	TSLN <b>19,3%</b>
<b>2</b>	<b>CÔNG TY CP XỬ LÝ NỀN FECON-SHANGHAI HARBOUR (HÀ NỘI)</b>	Vốn điều lệ <b>103.486.866.904</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>50,5%</b>	Doanh thu <b>147.262.567.607</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>6.811.902.879</b>	TSLN <b>66%</b>
<b>3</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN FECON MILTEC (LONG AN)</b>	Vốn điều lệ <b>20.868.955.772</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>50,2%</b>	Doanh thu <b>51.761.388.177</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>3.776.165.030</b>	TSLN <b>18,1%</b>
<b>4</b>	<b>TRƯỜNG THPT Ý YÊN (NAM ĐỊNH)</b>	Vốn điều lệ <b>5.166.660.000</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>67,7%</b>	Doanh thu <b>2.101.616.500</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>0</b>	TSLN <b>0</b>

## Công ty liên kết

<b>5</b>	<b>TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI (TEDI)</b>	Vốn điều lệ <b>125.000.000.000</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>25,76%</b>	Doanh thu <b>327.943.097.992</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>22.160.859.269</b>	TSLN <b>17,7%</b>
<b>6</b>	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON</b>	Vốn điều lệ <b>410.000.000.000</b>	Tỷ lệ sở hữu <b>36,09%</b>	Doanh thu <b>486.508.587.482</b>	Lợi nhuận sau thuế <b>26.879.308.080</b>	TSLN <b>6,6%</b>

## Các công ty khác trong hệ thống

<b>7</b>	<b>CTY CP CÔNG TRÌNH NGẦM FECON</b>	<b>9</b>	<b>CTY CP KHOÁNG SẢN HẢI ĐĂNG</b>
<b>8</b>	<b>CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG FCC</b>	<b>10</b>	<b>TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CTGT1 - CÔNG TY CP (CIENCO1)</b>

# Giới thiệu các đơn vị thành viên

1

## VIỆN NỀN MÓNG VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM

Được thành lập tháng 2/2010, Viện Nền móng và Công trình ngầm là viện nghiên cứu đầu tiên trong một doanh nghiệp xây dựng tại Việt Nam. Nhiệm vụ của Viện là thực hiện các hoạt động khảo sát, thí nghiệm, thiết kế nền móng và đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực nền móng, công trình ngầm và phát triển hạ tầng nhằm định hướng về công nghệ cho sự phát triển nhanh và bền vững của hệ thống FECON.

**Liên hệ** Tầng 16, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 6269 0482 | **Fax** (84-4) 6269 0615 | **Email** feconins@fecon.com.vn

2

## CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ NỀN FECON-SHANGHAI HARBOUR

Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON-Shanghai Harbour được thành lập từ hai cổ đông lớn là Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON và công ty TNHH công trình xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour (Thượng Hải, Trung Quốc). FECON-Shanghai Harbour cung cấp dịch vụ khảo sát địa chất, thiết kế và thi công xử lý nền đất yếu, đặc biệt là dịch vụ thiết kế, thi công xử lý nền đất yếu bằng phương pháp cố kết chân không giúp giảm 50% thời gian thi công và 20-30% giá thành.

**Liên hệ** Tầng 19, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 6269 0679 | **Fax** (84-4) 6265 9109 | **Email** feconshanghai@fecon.com.vn

3

## CÔNG TY CỔ PHẦN FECON MILTEC

Công ty Cổ phần FECON Miltec được thành lập vào tháng 11/2011 trên cơ sở hợp tác giữa Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON và Công ty Chikami Miltec (Nhật Bản). Với dây chuyền sản xuất sản phẩm bậc thềm có công suất 3,5 triệu m<sup>3</sup>/tháng, FECON Miltec đảm bảo cung cấp các sản phẩm bậc thềm theo tiêu chuẩn Nhật Bản và quốc tế phục vụ cho hoạt động xử lý nền đất yếu của FECON cũng như cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

**Liên hệ** Lô NX - D2, KCN Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An  
**Điện thoại** (84-8) 3873 4900 | **Fax** (84-8) 3873 4901 | **Email** info@fecon.com.vn

4

## TRƯỜNG THPT Ý YÊN - NAM ĐỊNH

Trường THPT Ý Yên - Nam Định là ngôi trường có bề dày gần 20 năm tại huyện Ý Yên, Nam Định. Với cơ sở vật chất khang trang đầy đủ, phương tiện giảng dạy hiện đại, đội ngũ giáo viên cơ hữu trên 30 người, trường THPT Ý Yên phấn đấu đến năm 2017 nằm trong nhóm dẫn đầu các trường ngoài công lập của tỉnh Nam Định.

**Liên hệ** Thị trấn Lâm, Huyện Ý Yên, Nam Định  
**Điện thoại** 0350-3648234 | **Fax** 0350-3646683 | **Website** thpt-yyen.namdinh.edu.vn

5

## TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ GIAO THÔNG VẬN TẢI (TEDI)

Tổng công ty tư vấn thiết kế GTVT (TEDI) là đơn vị hàng đầu về tư vấn thiết kế trong ngành GTVT. Với lợi thế về đội ngũ nhân lực chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm, TEDI sẵn sàng hợp tác liên doanh với các tổ chức nghiên cứu, tư vấn thiết kế ở trong và ngoài nước để xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài. TEDI hiện là nhà tư vấn hạ tầng số 1 tại Việt Nam với thị phần thiết kế công trình GTVT gần 50% toàn quốc.

**Liên hệ** Số 278 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 6256 4499 | **Fax** (84-4) 3851 4980 | **Website** www.tedi.vn

6

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON được thành lập năm 2007 với lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất sản phẩm cọc bê tông dự ứng lực mang thương hiệu FECON Pile, các sản phẩm bê tông chất lượng cao và khai thác khoáng sản cung cấp nguyên vật liệu xây dựng.

Đến nay FECON Mining đã trở thành nhóm các công ty hàng đầu về sản xuất các sản phẩm bê tông dự ứng lực và khai khoáng tại khu vực phía Bắc. Công ty FECON Mining bao gồm công ty mẹ trụ sở tại Kim Bảng, Hà Nam và hai đơn vị thành viên là Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn và Công ty Cổ phần khoáng sản Hải Đăng tại Nghi Sơn, Tĩnh Gia, Thanh Hóa.

**Liên hệ** Cụm công nghiệp Thi Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam  
**Điện thoại** (84-351) 353 3038 | **Fax** (84-351) 353 3897 | **Email** info@feconmining.com.vn

7

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH NGẦM FECON

Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON (FECON UCC) được thành lập vào tháng 12/2014 trên cơ sở liên kết đầu tư giữa: Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà và Công ty Cổ phần Toyo Industry (Nhật Bản). FECON UCC hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm, hầm và không gian ngầm. Trước mắt FECON UCC có thể đảm nhiệm các công việc liên quan đến khảo sát địa kỹ thuật, thi công khoan phụt vữa áp lực cao, thi công hệ thống chắn giữ, bê tông vô hàm và quan trắc công trình đào sâu trong đất yếu.

**Liên hệ** Tầng 19, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 6256 4499 | **Fax** (84-4) 6258 4000 | **Email** ucc@fecon.com.vn

8

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG FCC

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC được thành lập trên cơ sở liên kết vốn giữa 3 công ty: Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON, Công ty cổ phần xây dựng Cotec (COTECCONS) và Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO1) nhằm tận dụng thế mạnh, năng lực cũng như kinh nghiệm của ba đơn vị trong việc triển khai xây dựng các dự án về hạ tầng để thực hiện đầu tư các dự án hạ tầng theo hình thức PPP, BOT, BT...

**Liên hệ** Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 6253 5522/11 | **Fax** (84-4) 6276 1234 | **Email** info@fcc.vn

9

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN HẢI ĐĂNG

Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng là đơn vị thành viên của FECON Mining, trụ sở tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Công ty Khoáng sản Hải Đăng sở hữu và khai thác các mỏ đá chất lượng cao tại Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An và mỏ cát tại Hà Nội, Hà Nam để cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất cọc bê tông dự ứng lực và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng ra thị trường.

**Liên hệ** Thôn Tam Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa  
**Điện thoại** (037) 652 52 52 | **Email** info@feconmining.com.vn

10

## TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP (CIENCO1)

Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 - Công ty CP (CIENCO1) là một trong những doanh nghiệp hàng đầu về xây dựng cơ sở hạ tầng của Việt Nam, được thành lập năm 1964. Với mục tiêu chiến lược là một nhà thầu chuyên nghiệp hàng đầu của đất nước và khu vực, CIENCO1 sẽ liên tục không ngừng đổi mới về công nghệ, thiết bị, nâng cao trình độ quản lý, cải thiện điều kiện làm việc nhằm nâng cao chất lượng, đóng góp cho sự phát triển chung của ngành giao thông vận tải.

**Liên hệ** Toà nhà CIENCO1 - Số 623 La Thành, Ba Đình, Hà Nội  
**Điện thoại** (84-4) 3835 0930 - 38350096 | **Fax** (84-4) 37721232 | **Website** www.cienco1.com



# Giải thưởng



Sao Vàng Đất Việt - 2011



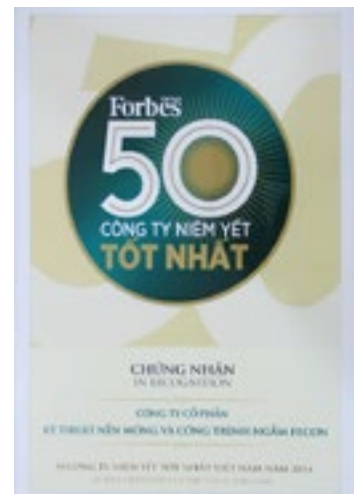
Thương hiệu Mạnh Việt Nam (2008 - 2013)



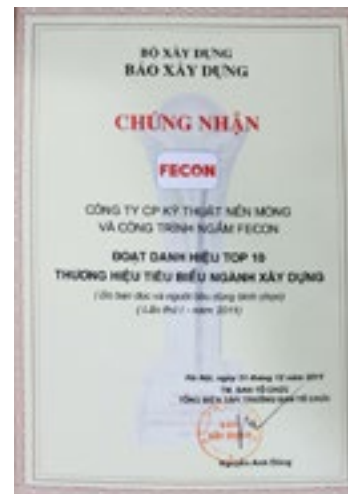
Giải Vàng Chất lượng Quốc gia - 2011



TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam



TOP 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam 2013 - Tạp chí Forbes Vietnam bình chọn



TOP 10 Thương hiệu tiêu biểu Ngành Xây dựng năm 2011

# Đối tác chiến lược

Đối tác chiến lược khoa học và công nghệ



Học Viện Công nghệ Châu Á



Hiệp hội Hàm và Không gian ngầm thế giới



Hội Công nghệ và Ứng dụng Vật liệu Địa Kỹ Thuật



Hội cơ học đất và địa kỹ thuật công trình Việt Nam



Đại Học Xây Dựng



Đại Học Mở Địa Chất



Đại Học Công Nghệ GTVT

Đối tác chiến lược tài chính



Ngân hàng phát triển Nhật Bản



Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Đông Đô



Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hoàn Kiếm



Ngân hàng VietinBank - Chi nhánh Đồng Đa

Đối tác chiến lược Kỹ thuật dịch vụ



Công ty cổ phần xây dựng Cotec



Tập đoàn nền móng Raito (Nhật Bản)



Tập đoàn hạ tầng Trevi (Ý)



Tập đoàn Thép JFE (Nhật Bản)



Tập đoàn máy xây dựng Kanamoto (Nhật Bản)



Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1



Tổng Công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải



# 10 sự kiện tiêu biểu 2014



## Tuyên bố chiến lược 2020: Trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam

Năm 2014 là dấu mốc quan trọng khi mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về nền móng và công trình ngầm tại Việt Nam đã được hiện thực hóa. Với những thế mạnh và những nguồn lực huy động từ các đối tác, FECON đặt ra mục tiêu "TRỞ THÀNH NHÓM DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VỀ HẠ TẦNG TẠI VIỆT NAM VÀO NĂM 2020".



## Hợp tác chiến lược với các tổng công ty hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam

Với phương châm cộng lực để thực hiện các mục tiêu lớn, FECON đã kết hợp với các đối tác chiến lược nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật xây dựng từ thiết kế đến thi công, đồng thời tham gia đầu tư vào các dự án Hạ tầng trọng điểm. Cụ thể FECON đã trở thành cổ đông chiến lược của Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải (TEDI), Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 (CIENCO 1), ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty CP xây dựng Cotec (COTECCONS), Đại học Công nghệ giao thông vận tải (UTT), đồng thời thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC (liên doanh giữa FECON-CIENCO1-COTECCONS).



## Tiếp tục mở rộng, phát triển quy mô lĩnh vực kinh doanh

Ngoài 3 lĩnh vực kinh doanh là thế mạnh của FECON, năm 2014 đánh dấu sự mở rộng của FECON sang các lĩnh vực: Đầu tư hạ tầng, Xây dựng công trình ngầm, thi công đường và cảng, khai thác khoáng sản và cung cấp nguyên vật liệu xây dựng... Cùng với đó là sự ra đời của các công ty liên doanh, liên kết như Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON (FECON UCC), Công ty CP Cọc khoan FECON - Quang Anh, Công ty CP cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO- FECON - HASSYU, Công ty CP FECON -BMT.



## Ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác tài chính lớn

Trong năm 2014, FECON đẩy mạnh hợp tác để nâng cao năng lực tài chính bằng việc ký thỏa thuận hợp tác đầu tư chiến lược và đối tác chiến lược với Ngân hàng phát triển Nhật bản (DBJ), Ngân hàng BIDV, Ngân hàng VietinBank, Ngân hàng Vietcombank.



## Khởi động dự án SAP ERP quản trị thông tin và hoạch định nguồn lực doanh nghiệp

Dự án SAP ERP (Enterprise Resource Planning - Hoạch định Nguồn lực Doanh nghiệp) được FECON và FPT IS triển khai vào tháng 7/2014 và chính thức GOLIVE vào ngày 2/1/2015. Với chi phí đầu tư giai đoạn 1 lên tới 15 tỷ đồng, FECON tin tưởng dự án SAP ERP là bước đi giúp nâng cao mạnh mẽ năng lực quản lý, khả năng tối ưu hóa nguồn lực cho FECON, đặc biệt trong bối cảnh thị trường đang có nhiều biến động.



## Khởi công dự án đầu tư xây dựng công trình QL1 đoạn tránh TP Phủ Lý và tăng cường mặt đường trên QL1 đoạn qua tỉnh Hà Nam

Đây là dự án hạ tầng đầu tiên được thực hiện bởi liên danh nhà thầu FCC (FECON - CIENCO 1 - COTECCONS), với tổng mức đầu tư lên tới 2.000 tỷ đồng. Đây cũng là công trình đầu tiên trong chiến lược phát triển hạ tầng của FECON và là bước khởi đầu cho mục tiêu trở thành nhóm doanh nghiệp hàng đầu về hạ tầng tại Việt Nam vào năm 2020.



## Tiếp tục trúng thầu nhiều dự án lớn, trọng điểm quốc gia

Năm 2014, bằng uy tín chất lượng, cam kết tiến độ và sự chuyên nghiệp trong công tác quản lý thi công, FECON đã liên tiếp trúng thầu rất nhiều dự án lớn, trọng điểm quốc gia như dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1, Nhà máy Samsung Thái Nguyên, Nhiệt điện Vĩnh Tân, Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, nhà máy Sam Sung TP HCM, nhà máy Bridges Stone Hải Phòng, nhà máy Kyoei Steel Ninh Bình.



## Kỷ niệm 10 năm thành lập FECON

Lễ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập công ty là một trong những sự kiện quan trọng và đáng chú ý nhất của FECON trong năm 2014, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong chặng đường phát triển bền vững và lâu dài của công ty. Để chuẩn bị cho lễ kỷ niệm, toàn thể hệ thống FECON đã cùng nhau dốc sức chuẩn bị trong vòng nhiều tháng. Bên cạnh chương trình đại nhạc hội được đầu tư công phu hoành tráng, các hoạt động bên lề khác như cuộc thi viết Tôi yêu FECON, Hội thao 10 môn... cũng thu hút được sự quan tâm và tham gia của đông đảo anh chị em cán bộ công nhân viên công ty, tạo nên một lễ kỷ niệm thành công, để lại nhiều dấu ấn.



## Đạt nhiều giải thưởng uy tín

Năm 2014 là dấu mốc quan trọng khi mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu về nền móng và công trình ngầm tại Việt Nam đã được hiện thực hóa. Với những thế mạnh và những nguồn lực huy động từ các đối tác, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng uy tín như Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam - Forbes Việt Nam, Top 10 thương hiệu tiêu biểu ngành Xây dựng... Công ty đặt ra mục tiêu "TRỞ THÀNH NHÓM DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VỀ HẠ TẦNG TẠI VIỆT NAM VÀO NĂM 2020".



## Đổi mới trong truyền thông nội bộ và các hoạt động Đoàn thể

Năm 2014, các hoạt động truyền thông nội bộ đã diễn ra rất tích cực, đáng chú ý là sự ra đời của nội san Để mèn chinh phục và website nội bộ. Cùng với đó, các hoạt động tri ân vì cộng đồng cũng nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ đông đảo CBNV công ty như: Tuổi trẻ FECON hướng tới Trường Sa, hành trình tri ân về Quảng Trị - Đảo Lý Sơn, hoạt động thăm khám và phát thuốc miễn phí, trao tặng học bổng cho học sinh-sinh viên nghèo, vượt khó tại Nam Định hay hành trình áo ấm vùng cao tại Hà Giang...

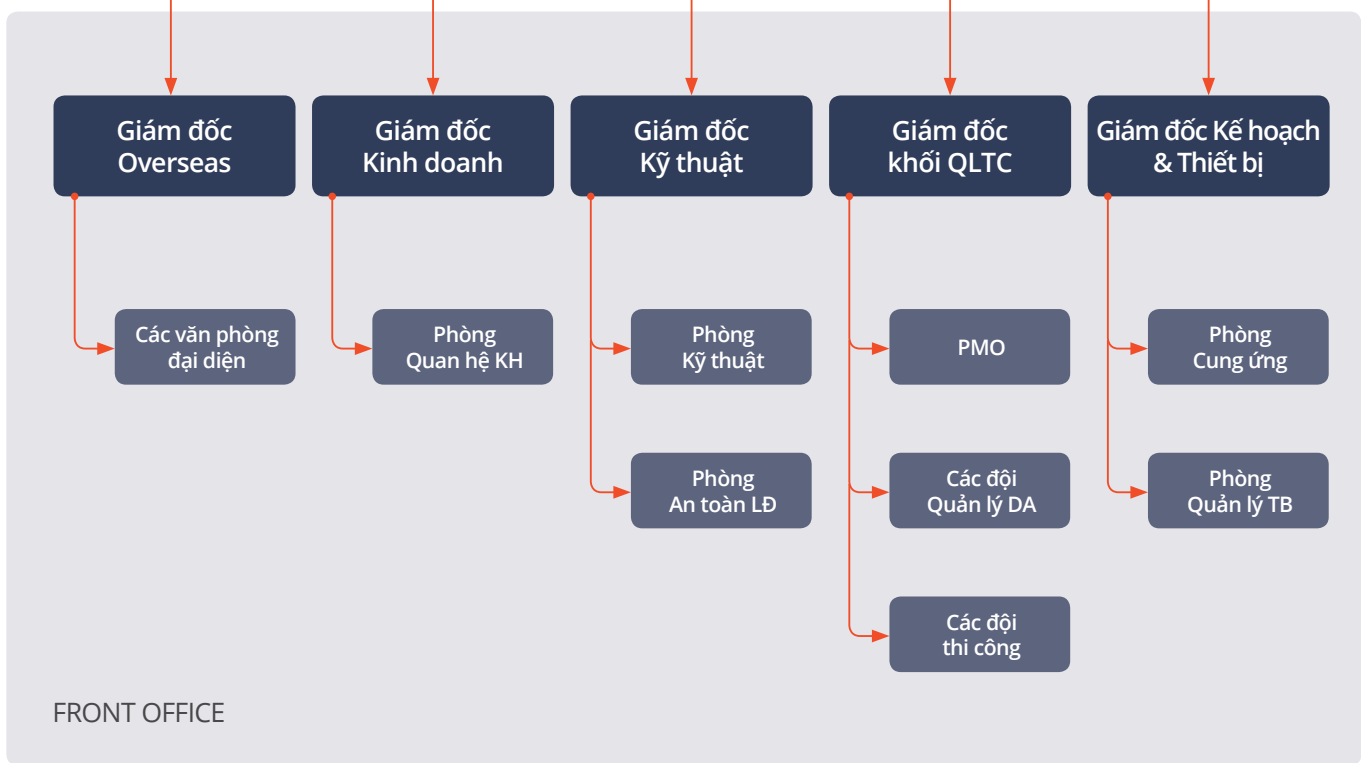


**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

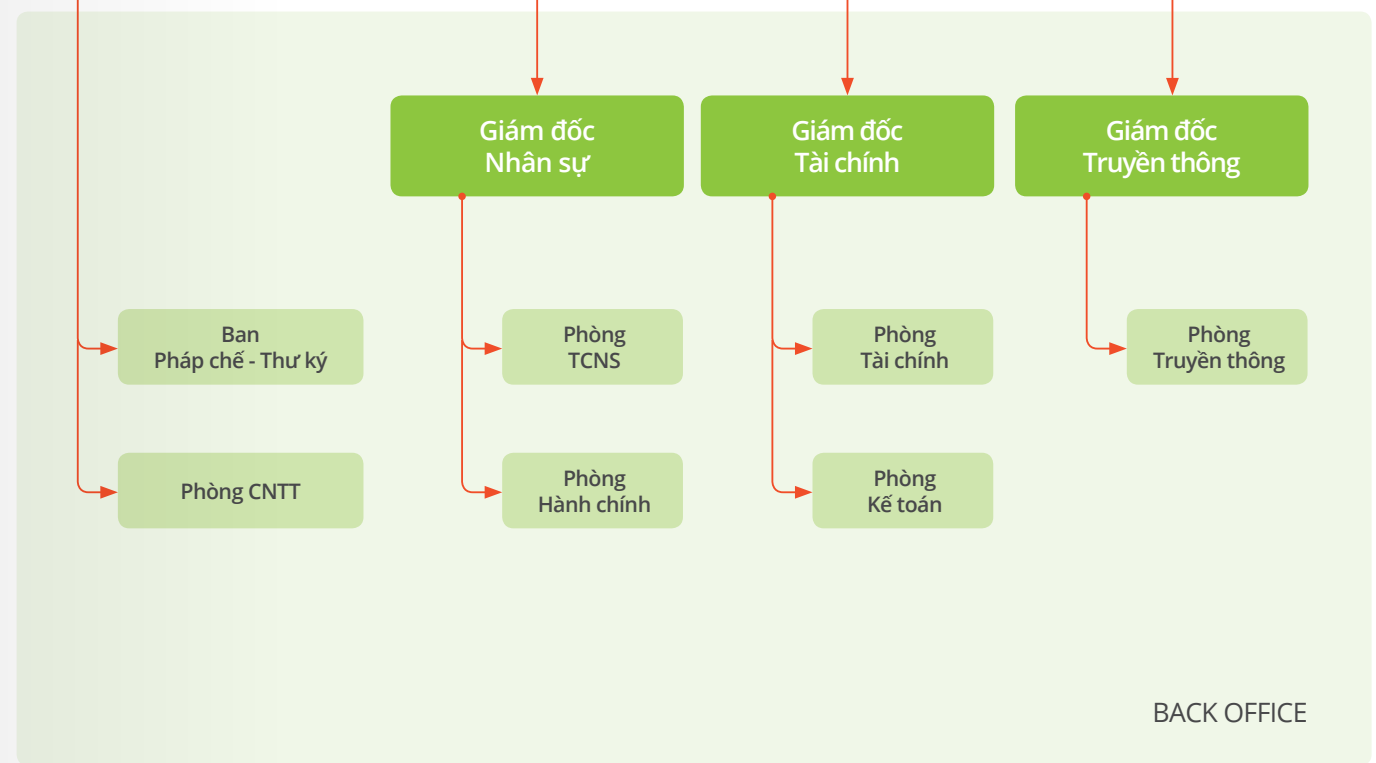
Trung tâm chiến lược & phát triển công nghệ (RDS center)



Mô hình tổ chức và nhân sự

**BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát Nội bộ



# Hội đồng Quản trị

## Phạm Việt Khoa

CHỦ TỊCH HĐQT  
KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Với trên 20 năm kinh nghiệm trong ngành xử lý thi công nền móng công trình, Ông là người sáng lập, đặt nền móng và xây dựng chiến lược phát triển của FECON. Tốt nghiệp Thạc sĩ Ngành Cơ học đất, Nền móng, Công trình ngầm và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Ông đã trải qua một loạt các vị trí quan trọng tại các Tổng công ty Nhà nước như Licogi, TEDI trước khi thành lập FECON và phát triển Công ty đến ngày hôm nay. Năm 2014, Ông được vinh danh trong Top 10 doanh nhân tiêu biểu của Việt Nam (Giải thưởng Sao Đỏ)...



## Nguyễn Quang Hải

ỦY VIÊN HĐQT

Tham gia công ty từ ngày đầu, Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT từ năm 2004 đến nay. Với kinh nghiệm quản trị điều hành, sự am hiểu và gắn bó với Công ty, Ông tham gia sâu sắc và có vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống quản trị, kiểm soát, cũng như chiến lược phát triển của Công ty từ những ngày đầu thành lập.



## Hà Cửu Long

ỦY VIÊN HĐQT

Tốt nghiệp cử nhân Dược Đại học Dược Hà Nội, cử nhân Đại học KTQD, Ông là Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thương mại dược phẩm Nam An từ năm 2003 đến nay. Ông tham gia Thành viên Ban kiểm soát FECON từ năm khi công ty thành lập đến năm 2012 và tham gia HĐQT Công ty từ năm 2013 đến nay. Với kinh nghiệm quản trị điều hành, Ông đã đóng góp rất nhiều trong công tác quản trị, kiểm soát, cũng như chiến lược phát triển của Công ty từ những ngày đầu thành lập.



## Hà Thế Phương

PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Tốt nghiệp Kỹ sư Công nghệ thông tin Đại học Bách Khoa Hà Nội, hiện đang giữ chức vụ phó chủ tịch HĐQT FECON, Ông là một thành viên trong nhóm sáng lập ra FECON. Ngoài việc góp phần phát triển thương hiệu FECON trong lĩnh vực thi công xử lý nền móng, Ông đóng vai trò quan trọng trong việc đặt nền tảng và phát triển mảng sản xuất cọc ly tâm dự ứng lực, một cột trụ chính trong lĩnh vực kinh doanh của FECON. Ông hiện đang đồng thời nắm giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (FCM).



## Trần Trọng Thắng

ỦY VIÊN HĐQT  
KIÊM Q.TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông có bề dày trên 20 năm kinh nghiệm trong ngành xử lý thi công nền móng công trình. Tốt nghiệp Kỹ sư Địa chất công trình - Địa kỹ thuật trường Đại học Mỏ địa chất, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Ông là thành viên sáng lập Công ty, là người góp phần quan trọng trong công tác quản lý thiết bị, phát triển năng lực thi công của FECON. Với kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành, năm 2014, Ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Quyền Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## Satoshi Takano

ỦY VIÊN HĐQT

Ông là đại diện của quỹ Japan South East Asia Growth Fund L.P., thành viên của Ngân hàng Phát triển Nhật Bản DBJ. Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính trên thị trường Việt Nam, hiện đang là Phó Trưởng đại diện của VPDD World Link Japan, Inc. tại TP. Hồ Chí Minh.



## Phạm Quốc Hùng

ỦY VIÊN HĐQT  
KIÊM GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Kiến trúc Hà Nội, Thạc sĩ Quản lý dự án Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Ông có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng nền móng, tham gia nhiều dự án trọng điểm quốc gia với các đối tác nước ngoài. Tham gia FECON từ những ngày đầu thành lập, Ông có vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực kỹ thuật và năng lực thi công của FECON và hiện đang đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kỹ thuật tại Công ty.



## Hà Thế Lộng

ỦY VIÊN HĐQT

Cùng với nhóm sáng lập Công ty, Ông đảm nhiệm vai trò quan trọng trong việc phát triển FECON từ những ngày đầu thành lập, và đặc biệt đóng vai trò quan trọng trong mảng sản xuất cọc, tạo nên thương hiệu FECON Pile được thị trường, đặc biệt là khách hàng nước ngoài ghi nhận. Ông đã trải qua hàng loạt các vị trí quan trọng tại FECON như Giám đốc sản xuất, Giám đốc Công ty TNHH Cọc bê tông dự ứng lực FECON và hiện đang đồng thời giữ vị trí Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON (FCM).





# Ban Điều hành



**Trần Trọng Thắng**  
ỦY VIÊN HĐQT  
KIÊM Q. TỔNG GIÁM ĐỐC  
*(Xem tóm lược tiểu sử tại trang 22)*



**Đỗ Trần Nam**  
GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN THỊ  
TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI

Tốt nghiệp chuyên ngành Kỹ sư Xây dựng, Đại học Xây dựng Hà Nội, Thạc sỹ Địa kỹ thuật & Quản lý Viện Công nghệ Châu Á (AIT), có nhiều năm kinh nghiệm với nhiều vị trí quan trọng tại các công ty xây dựng hạ tầng hàng đầu ở Việt Nam. Ông gia nhập FECON từ năm 2008 với vai trò là Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý thi công. Ông đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực kỹ thuật, thi công của Công ty trong giai đoạn tăng trưởng từ năm 2009 đến nay, hiện đang đảm nhận chức vụ Giám đốc Thị trường nước ngoài tại FECON.

**Phạm Quốc Hùng**  
ỦY VIÊN HĐQT  
KIÊM GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT  
*(Xem tóm lược tiểu sử tại trang 23)*



**Nguyễn Văn Thanh**  
GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Tốt nghiệp chuyên ngành Kỹ sư Kinh tế xây dựng, Ông có trên 10 năm kinh nghiệm trong mảng quản lý và triển khai các dự án xây dựng tại Việt Nam đặc biệt là các dự án có yếu tố nước ngoài. Gia nhập FECON từ năm 2011, Ông giữ vị trí Giám đốc Kinh doanh, đóng góp quan trọng vào sự phát triển doanh nghiệp, tăng trưởng khách hàng và năng lực kinh doanh của FECON trong 5 năm trở lại đây.



**Lê Dũng**  
GIÁM ĐỐC KHỐI QLTC

**Đặng Thị Tuyết Thương**  
GIÁM ĐỐC CHIẾN LƯỢC

Tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh và Marketing, Bà có trên 10 năm kinh nghiệm trong hoạt động phát triển chiến lược kinh doanh và khách hàng, điều hành tại nhiều doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực. Với kiến thức và kinh nghiệm phong phú của mình, từ khi gia nhập FECON năm 2009, Bà trải qua vị trí quan trọng như Trưởng đại diện VP phía Nam, Giám đốc Nhân sự, và nay là Giám đốc chiến lược tại FECON.



**Nguyễn Hồng Luyện**  
GIÁM ĐỐC KẾ HOẠCH & THIẾT BỊ

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Xây dựng, Thạc sỹ Quản lý dự án - Đại học Salford, Vương quốc Anh, Ông có kinh nghiệm trên 15 năm trong lĩnh vực thi công và xây dựng tại Việt Nam. Sau khi gia nhập FECON từ năm 2010, Ông đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Quản lý thi công, và từ năm 2014 được bổ nhiệm làm Giám đốc Kế hoạch và thiết bị, đảm nhận năng lực thi công và năng lực thiết bị thực hiện các dự án trọng điểm Quốc gia do FECON thực hiện.



**Nguyễn Thị Hoa (Trang Hạ)**  
GIÁM ĐỐC THƯƠNG HIỆU

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý truyền thông tại Đài Loan, Bà là một chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông quảng cáo, đồng thời được biết đến với vai trò là một nhà văn nữ với nhiều tác phẩm có tiếng vang tại Việt Nam. Gia nhập FECON từ năm 2014 với vai trò Giám đốc Thương hiệu, Bà được kỳ vọng sẽ đem lại những đột phá trong việc duy trì và quảng bá thương hiệu FECON trên thị trường Việt Nam và thế giới.



**Haruo Ishiguro**  
GIÁM ĐỐC MARKETING

Tốt nghiệp chuyên ngành Kỹ sư Hạ tầng tại Nhật Bản, Ông có trên 30 năm kinh nghiệm phát triển dự án xây dựng hạ tầng tại nhiều dự án lớn tại Nhật Bản và các nước Đông Nam Á. Với vai trò là Giám đốc Marketing, Ông có đóng góp đáng kể trong việc phát triển các dự án, mang lại các khách hàng mới cho Công ty, đặc biệt là các đối tác từ Nhật Bản sau khi gia nhập FECON.





# Ban Kiểm soát

## Phùng Tiến Trung TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Xây dựng, Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn xây dựng tại Việt Nam. Ông hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm tư vấn thiết kế kết cấu 2 - Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam (VCC), đồng thời là thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản FECON. Ông cũng tham gia FECON với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày đầu thành lập.



## Nguyễn Chí Công THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tốt nghiệp chuyên ngành Kỹ sư đường bộ, Đại học GTVT Hà Nội, Ông đã có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng tại Việt Nam. Ông tham gia FECON với tư cách là Thành viên HĐQT FECON từ lúc thành lập Công ty đến năm 2012, và giữ chức vụ Thành viên Ban kiểm soát từ năm 2012 đến nay.



## Bùi Thanh Tùng THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Địa kỹ thuật, Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong mảng địa chất công trình. Ông hiện đang giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty Tư vấn Địa kỹ thuật và tham gia FECON với tư cách là thành viên Ban Kiểm soát từ ngày đầu thành lập.



## Tình hình nhân sự và chính sách với người lao động



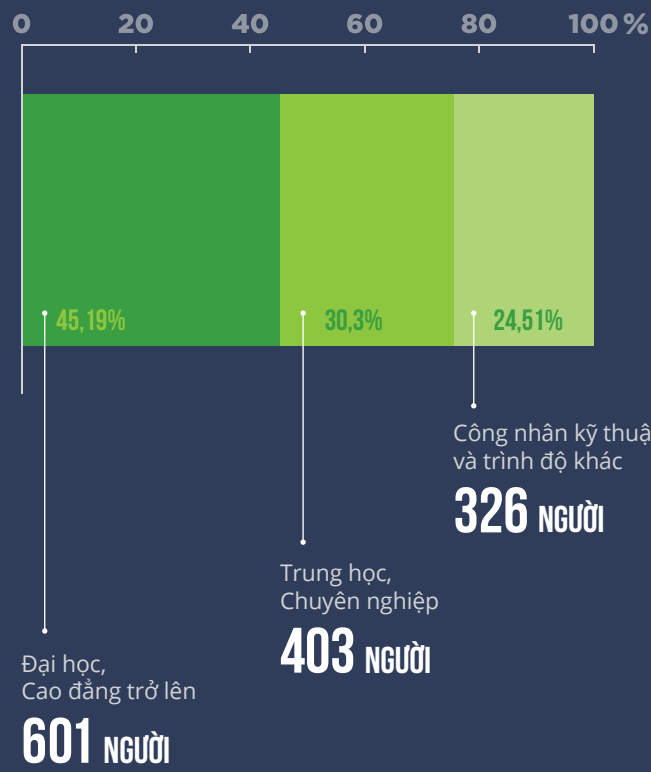
### Tổ chức nhân sự

Xác định chiến lược đầu tư vào nguồn lực con người là yếu tố quyết định sống còn, nổi trội khác biệt, là con đường vững chắc nhất đi đến thành công nhanh và bền vững. Năm 2014 là năm bản lề mà FECON triển khai chiến lược này thành các dự án, hành động cụ thể như dự án Chuẩn hóa chức năng & xây dựng hệ thống đánh giá trả công theo 3Ps với việc chuẩn hóa chức năng nhiệm vụ các bộ phận, xây dựng hệ thống chức danh, vị trí chuẩn, xây dựng hệ thống đánh giá vị trí chuẩn nhằm thay đổi nhận thức, tạo động lực thay đổi tích cực cho đội ngũ nhân viên theo các yêu cầu mới đặt ra trong gian đoạn phát triển mới Công ty.

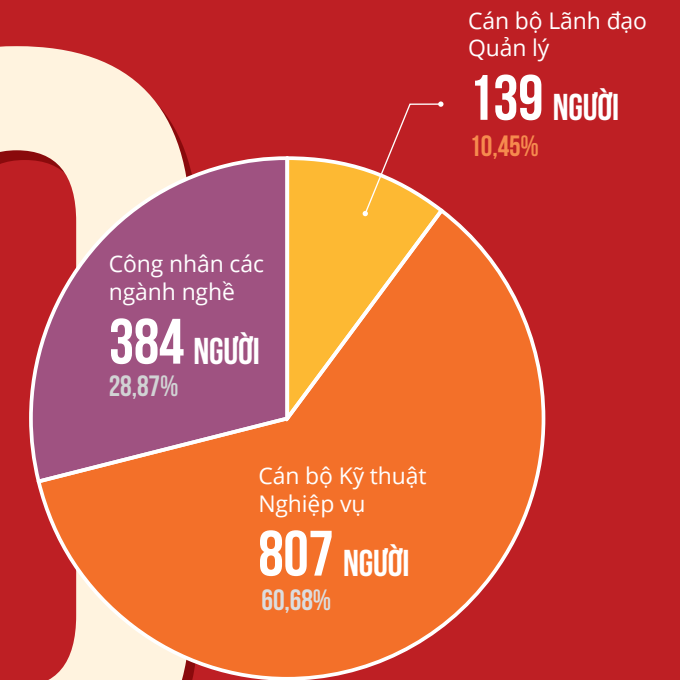
Với thành công chuẩn hóa nền tảng cơ bản cho hệ thống quản trị nhân sự, công ty tiếp tục triển

khai dự án Xây dựng bộ quy tắc ứng xử & Hệ thống đánh giá năng lực và thành tích nhân viên với các kết quả đạt được đến thời điểm hiện tại như: Xây dựng bộ nguyên tắc quản trị, Giá trị cốt lõi, Lập mục tiêu kinh doanh, định hình bản đồ chiến lược (SM), định danh các lĩnh vực quản lý thiết yếu (KRA), Xây dựng khung năng lực chung và mô tả cấp độ năng lực, dự án này dự kiến sẽ hoàn thành và áp dụng từ tháng 7 năm 2015. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường chính xác năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác, có tác dụng khuyến khích cao.





# 1330



Tổng số CBCNV toàn Hệ thống tính đến thời điểm 31/12/2014 (gồm Công ty mẹ, công ty con và Nhà máy): 1330 người



## Chính sách nhân viên

Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hợp đồng cố định còn được trả lương, thưởng căn cứ theo năng lực và hiệu quả công việc, lương kinh doanh cho từng kỳ hoạt động căn cứ vào kết quả hoạt động và doanh thu bán hàng từng kỳ.

Ngoài chế độ tiền lương Công ty thực hiện đầy đủ, công bằng các chế độ chính sách khuyến khích người lao động như: phụ cấp ăn ca, thưởng Lễ Tết, thưởng hoàn thành kế hoạch. Luôn tạo cho người lao động yên tâm, phấn khích thi đua trong lao động sản xuất. Công ty thường xuyên tổ chức khám bệnh định kỳ, đào tạo an toàn vệ sinh lao động, kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cho cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho nhân viên trong Công ty.

Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng

với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra, chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm thực hiện.

Bên cạnh các dự án quản trị nguồn nhân lực Công ty cũng đã thực hiện điều chỉnh chính sách, môi trường làm việc, xây dựng tổ chức học hỏi bằng việc thành lập các Câu lạc bộ (Quản lý dự án, Công trình ngầm, Lãnh đạo trẻ, Pháp lý, Văn nghệ, Thể thao, Võ thuật...), chia sẻ, đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng, phát triển khả năng văn thể mỹ cho đội ngũ CBCNV. Công ty cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội, đề cao vai trò của Công đoàn, Đoàn thanh niên Công ty.



## Chính sách đào tạo

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đào tạo hội nhập được tổ chức ngay khi CBCNV bắt đầu ngày làm việc đầu tiên giúp CBCNV mới hội nhập nhanh với văn hóa, môi trường làm việc, bên cạnh đó Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ cả trong và ngoài nước. Năm 2014, Công ty đã tổ chức thành công hơn 60 khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho 506 lượt CBCNV tham gia. Bên cạnh đó, với mục tiêu có tối thiểu 30 thạc sỹ địa kỹ thuật và công trình ngầm đến năm 2016. Công ty tiếp tục liên kết với Viện công nghệ Châu Á- AIT (Thái Lan) tổ chức đào tạo chương trình Thạc sỹ địa kỹ thuật và công trình ngầm khóa 3 với 7 học viên; bên cạnh việc hoàn thành kế hoạch tốt nghiệp AIT năm 2014 với 05 học viên tốt nghiệp. Năm trong kế hoạch xây dựng và phát triển năng lực đội ngũ, việc xây dựng hệ thống từ điển năng lực, lộ trình

công danh, đào tạo của từng vị trí cũng sẽ được hoàn thành và áp dụng trong năm 2015.

Công ty đang hình thành chương trình đào tạo huấn luyện chung dành cho tất cả CBCNV FECON, trong đó đặc biệt tập trung cho đào tạo văn hóa doanh nghiệp, tinh thần kỷ luật cao, xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp và trách nhiệm đến cùng với công việc, công ty và xã hội.





# Báo cáo HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo của Hội đồng Quản trị **32**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc **36**

Quản trị rủi ro **47**

Báo cáo của Ban Kiểm soát **49**





## I. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động công ty

Là năm bản lề trong kế hoạch phát triển với tầm nhìn đến năm 2020, FECON trở thành Nhóm công ty hàng đầu về hạ tầng, Năm 2014, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của hệ thống FECON đã nỗ lực không ngừng bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đề ra; kiểm soát chi tiêu; tăng cường công tác tìm việc, đặc biệt nhóm khách hàng nước ngoài. Các công trình thi công của FECON đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Thương hiệu FECON tiếp tục được chủ đầu tư đánh giá cao trên thị trường, giữ vững uy tín và tiếp tục được các tổng thầu ghi nhận là nhà thầu chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam về kỹ thuật nền móng công trình, đi đầu trong áp dụng công nghệ khoa học vào sản xuất và thi công, điển hình như: công

nghệ xử lý nền bằng cốt kết chân không, xử lý nền bằng cọc cát đầm chặt, xử lý nền bằng Jet Grouting, công nghệ sản xuất và thi công cọc bê tông ly tâm dự ứng lực (PC/PHC), công nghệ khoan hạ cọc, công nghệ cọc khoan nhồi mở rộng đáy, công nghệ thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng hộp O-cell...

*Nhìn chung trong năm, các mảng sản xuất kinh doanh của Công ty đều phát triển ổn định, nâng cao năng lực cạnh tranh với tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng được đặt lên hàng đầu.*

### 1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty tăng 26% so với cùng kỳ của năm 2013. Doanh thu hợp nhất đạt 1.354 tỷ đồng, hoàn thành 90,3% kế hoạch và tăng trưởng 12,5% so với năm 2013. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 135 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch và tăng 16,3% so với năm 2013.

Nhìn chung, so với các chỉ tiêu kinh doanh hợp nhất được giao trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, FECON năm nay chỉ đạt 90% doanh thu kế hoạch. Tuy nhiên, lợi nhuận có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2013 là một kết quả đáng khích lệ so với mặt bằng

chung của các công ty cùng lĩnh vực, trong bối cảnh môi trường kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn.

### 2. Phát triển Quy mô doanh nghiệp

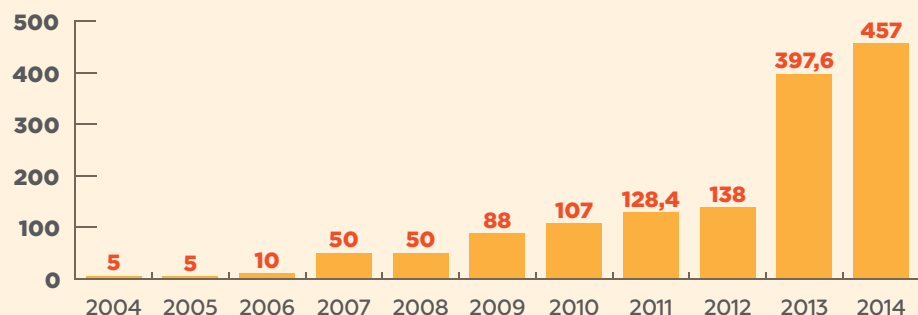
FECON tiếp tục khẳng định sự phát triển, mở rộng về quy mô doanh nghiệp thông qua:

- Tăng Vốn Điều lệ: tính đến năm 2014, VDL của Công ty là 457 tỷ.
- Số đơn vị thành viên đến hết năm 2014 tăng lên là 10 đơn vị thành viên so với năm 2013 là 7 đơn vị thành viên.

**1.354**  
TỶ DOANH THU  
HỢP NHẤT/  
TĂNG 12,5%

**135 TỶ**  
LNST HỢP NHẤT  
/TĂNG 16,3%

Biểu đồ tăng vốn điều lệ Công ty giai đoạn 2004-2014 (đơn vị: Tỷ VNĐ)



Tổng nhân sự của hệ thống FECON tăng lên: 1330 người, tăng 28,75% so với năm 2013, cho thấy sự phát triển nóng cũng như sức hấp dẫn của FECON trên thị trường lao động.

Đầu tư thêm tài sản cố định và máy móc thiết bị phục vụ kinh doanh với giá trị là 206 tỷ, đầu tư cao gấp 2 lần giá trị đầu tư của 2 năm 2012 và 2013.

Phát triển chuỗi cung ứng bằng việc:

Xây dựng thêm nhà máy sản xuất cọc tại khu vực có dự án lớn tiềm năng ở Nghi Sơn; khai thác mỏ cung cấp VLXD.

Tăng thêm nhiều các nhà thầu phụ trong lĩnh vực thi công, cung cấp vật liệu để chủ động nguồn lực huy động.

Liên kết để nhận các dự án khoan nhồi, Jet grouting, Hạ tầng.

### 3. Tăng cường hợp tác liên doanh với các đối tác lớn trong nước và nước ngoài

Trong lĩnh vực xây dựng công trình ngầm: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công trình ngầm FECON (FECON UCC) liên doanh với Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà và Công ty Toyo Industry Nhật Bản với tổng số vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng, trong đó FECON góp 51.000.000.000 đồng tương ứng với 51% vốn Điều lệ. Tuy mới thành lập, FECON UCC đã có tín hiệu tốt về mặt dự án. Hiện, Công ty liên doanh này đang thực hiện thi công jet grouting tường vây, hạng mục thi công tường vây và cọc Kingpost phần ngầm của Dự án Metro tuyến 1

- đoạn Bến Thành Suối Tiên, Tp. Hồ Chí Minh.

Trong lĩnh vực máy móc/thiết bị xây dựng, FECON liên doanh với Kanamoto (Nhật Bản) thành lập Công ty cổ phần Cho thuê thiết bị xây dựng Kanamoto FECON Hassyu. Tháng 5 tới đây, Công ty này chính thức được cấp phép hoạt động và kinh doanh trong lĩnh vực cho thuê, sửa chữa, bảo trì máy xây dựng.

Đối với các dự án BOT trong lĩnh vực hạ tầng, FECON đã hợp tác cùng Cienco1 và Coteccons để thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC, trực tiếp triển khai dự án BOT QL1A tại Phú Lý, Hà Nam.

### 4. Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

Kể từ ngày 02/01/2015, FECON đã chính thức vận hành Hệ thống quản trị ERP SAP (Hoạch định nguồn lực Doanh nghiệp) tại Công ty mẹ và Viện nền móng và Công trình ngầm, sau 6 tháng kể từ ngày FECON và FPT Information System bắt đầu hợp tác triển khai dự án. Hệ thống ERP SAP chính thức vận hành hứa hẹn sẽ mở ra những bước đột phá trong năng lực quản trị của FECON.

Bên cạnh đó, FECON tiếp tục quyết tâm cải tổ doanh nghiệp, tái cơ cấu công ty, nhằm tăng năng suất và đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường. Công ty đã sắp xếp, cơ cấu các phòng ban Công ty, chuyển nhượng vốn tại FECON Nghi Sơn cho FECON Mining (FCM) nhằm tập trung nguồn lực sản xuất. Đặc biệt, từ tháng 02/2015, FECON áp dụng mô hình tổ chức mới theo Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐQT ngày 22/01/2015 của Hội đồng quản trị. Một trong

những điểm khác biệt nhất về mô hình đó là khối quản lý thi công. Trong đó, nhấn mạnh vai trò của các Giám đốc dự án (PM) và gắn trách nhiệm đối với các Đội quản lý dự án, đẩy mạnh năng lực tìm kiếm và quản trị dự án; tránh tình trạng luân chuyển cán bộ; đánh giá chính xác hơn đội ngũ kỹ sư, để từ đó có cơ chế động viên kịp thời. Mô hình này được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả đối với một doanh nghiệp xây dựng đặc thù như FECON.

### 5. Huy động vốn thành công

Năm 2014, FECON phát hành thành công gần 2 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ, kỹ sư, công nhân viên trong Công ty.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, năm vừa qua là năm đầu tiên FECON phát hành trái phiếu chuyển đổi. Tính đến nay, Công ty đã phát hành thành công cho Ngân hàng phát triển Nhật Bản (DBJ) số trái phiếu chuyển đổi trị giá 195 tỷ đồng. Đồng thời, Công ty cũng đã thống nhất xong và chuẩn bị các khâu cuối để phát hành 100 tỷ trái phiếu chuyển đổi cho Nhà đầu tư thứ 2 là Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS). Điều này cho thấy sự hấp dẫn của FECON đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đây cũng là cơ hội và cũng là thách thức của FECON. Chúng ta buộc phải cải tổ, tăng năng suất để sử dụng hiệu quả đồng vốn được đầu tư.

### 6. Hợp tác đào tạo quốc tế

FECON tiếp tục hợp tác với Học viện công nghệ Châu Á (AIT) để thực hiện các khóa đào tạo thực kỹ chuyên sâu về địa kỹ thuật cho cán bộ, kỹ sư. Các học viên khóa 2 của chương trình hợp tác này đã hoàn thành xuất sắc luận văn tốt nghiệp vào tháng 6 và tháng 12/2014. Năm 2015, chương trình tiếp tục khóa thứ 3 với gần 7 kỹ sư tham gia. Bên cạnh đó, công ty thường xuyên cử kỹ sư tham dự các Hội thảo Quốc tế để

cập nhật công nghệ, kiến thức và kinh nghiệm Quốc tế cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### 7. Hoạt động xã hội

FECON tiếp tục truyền thống văn hóa doanh nghiệp: phát triển doanh nghiệp luôn song song với trách nhiệm xã hội, cụ thể FECON tiếp tục đẩy mạnh các chương trình từ thiện và hỗ trợ xã hội:

- Khám chữa bệnh cho đối tượng chính sách tại vùng quê nghèo.
- Cấp học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, học giỏi.
- Tặng áo ấm cho các cháu học sinh miền núi.
- Tổ chức nhiều chuyến tình nguyện về nguồn ý nghĩa: thấp hương tại thành cổ Quảng Trị, nghĩa trang Trường Sơn, thăm và tặng quà quân dân trên đảo Trường Sa, thăm tặng quà các gia đình CBCNV trong Công ty có hoàn cảnh khó khăn hoặc có công với cách mạng v.v...
- Tài trợ Liên đoàn Võ cổ truyền nhằm góp phần bảo tồn, phát huy, phát triển văn hóa truyền thống dân tộc, nêu cao tinh thần thượng võ và truyền thống yêu nước.

### 8. Công bố thông tin và quan hệ Nhà đầu tư

Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và pháp luật hiện hành. Duy trì chủ động các hoạt động quan hệ nhà đầu tư và cộng đồng tài chính chứng khoán, đảm bảo cung cấp kịp thời minh bạch các thông tin cho các cổ đông và nhà đầu tư.

**HUY ĐỘNG THÀNH CÔNG 195 TỶ VNĐ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI TỪ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHẬT BẢN (DBJ)**

**THÀNH LẬP CTY CP CÔNG TRÌNH NGẦM FECON, THAM GIA PHẦN NGẦM CỦA DỰ ÁN METRO TUYẾN 1- ĐOẠN BẾN THÀNH SUỐI TIÊN, TPHCM VÀ THÀNH LẬP CTY CP ĐẦU TƯ HẠ TẦNG FCC, TRỰC TIẾP TRIỂN KHAI DỰ ÁN BOT QL1A TẠI PHÚ LÝ, HÀ NAM.**

## II. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2014

### 1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị bắt đầu nhiệm kỳ 2014-2018 từ tháng 3/2014 với 09 thành viên, trong đó có

03 thành viên là thành viên Hội đồng quản trị độc lập.



Tháng 6/2014, Hội đồng quản trị đã thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của bà Nguyễn Thị Thanh Vân và bầu bổ sung ông Takano Satoshi làm thành viên Hội đồng quản trị tạm thời theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐQT.FECON ngày 30/06/2014 của Hội đồng quản trị.

Tháng 1/2015, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Duy Cường theo Nghị quyết HĐQT số 01/2015/NQ-HĐQT.FECON ngày 22/01/2015.

## 2. Hoạt động chung

Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Hội đồng quản trị duy trì họp định kỳ hàng quý để đánh giá tình hình công việc cũng như để chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên không điều

hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của HĐQT.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty, trong đó có một số nội chính như sau:

Thời gian	Nội dung
<b>Quý I/2014</b> (Từ sau ĐHĐCĐ thường niên 2014)	Thực hiện trả cổ tức bằng tiền năm 2013
	Thông qua tiêu chuẩn danh sách CBCNV tham gia chương trình ESOP, nguyên tắc xác định số lượng, giá bán của CP cho CNCNV công ty.
	Thông qua Phương án chi tiết phát hành trái phiếu chuyển đổi.
	Thông qua Phương án chi tiết phát hành cổ phiếu.
	Tiêu chí và danh sách nhà đầu tư dự kiến trong đợt phát hành riêng lẻ cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi.
	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài.
<b>Quý II/2014</b>	Thực hiện trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu.
	Thông qua số lượng cổ phiếu tối đa và trái phiếu chuyển đổi tối đa cho nhà đầu tư nước ngoài.
	Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty và tham gia ứng cử HĐQT tại Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1.
	Cử người đại diện phần vốn góp của Công ty và tham gia ứng cử HĐQT tại Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải.
	Rút đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
	Thương thảo và thực hiện giao dịch phát hành trái phiếu chuyển đổi của Công ty với Japan South East Asia Growth Fund L.P.
	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2014.
	Thông qua hồ sơ đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSD và hồ sơ niêm yết chứng khoán bổ sung tại HSX.
	Chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần FECON Nghi Sơn.
	Bổ sung phương án chi tiết phát hành TPCĐ cho nhà đầu tư thứ nhất.
	Thay đổi nhân sự HĐQT.

Thời gian	Nội dung
<b>Quý III/2014</b>	Cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty cổ phần khoáng sản FECON.
	Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty Tư vấn và thiết kế Giao thông vận tải - CTCP.
	Thành lập Thường trực Hội đồng quản trị công ty.
	Thành lập Công ty cổ phần Công trình ngầm FECON.
	Đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư Hạ tầng FCC.
<b>Quý IV/2014</b>	Nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần khoáng sản FECON.
	Bổ sung danh sách nhà đầu tư dự kiến trong đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của Công ty năm 2014.
	Bổ sung phương án chi tiết phát hành trái phiếu chuyển đổi áp dụng cho nhà đầu tư thứ hai đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi.
	Miễn nhiệm chức vụ kế toán trưởng Công ty đối với ông Phạm Duy Cường
	Thành lập trung tâm chiến lược và phát triển công nghệ.
	Ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động Viện Nền móng và Công trình ngầm.
<b>Quý I/2015</b>	Miễn nhiệm Viện trưởng Viện nền móng và Công trình ngầm.
	Bổ nhiệm Giám đốc Viện móng và Công trình ngầm.
	Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị
	Cử người phụ trách công tác Kế toán
	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015
	Ban hành sơ đồ tổ chức Công ty
	Thành lập Văn phòng đại diện tại Dubai
Thay đổi chức vụ người quản lý	
Miễn nhiệm Giám đốc Tài chính	

## 3. Hoạt động của các tiểu Ban của Hội đồng quản trị

### 3.1 Thường trực Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị được thành lập theo Nghị quyết số 31B/2014/NQ-HĐQT.FECON của Hội đồng quản trị ngày 25 tháng 9 năm 2014, là cơ quan được Hội đồng quản trị giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về các hoạt động trong phạm vi chức

năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực Hội đồng quản trị gồm 3 thành viên:

- Ông **Phạm Việt Khoa** - Chủ tịch HĐQT
- Ông **Hà Thế Phương** - Phó chủ tịch HĐQT
- Ông **Trần Trọng Thăng** - Ủy viên HĐQT

Thường trực HĐQT sau khi được thành lập triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban

điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

thông tin; cung cấp để thực hiện việc công bố thông tin theo luật định; cung cấp thông tin đến các Cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

**3.2 Ban Pháp chế - Thư ký**

Ban Pháp chế - Thư ký có nhiệm vụ chuẩn bị thông tin, tài liệu phục vụ các buổi họp Hội đồng quản trị, ghi và lưu trữ hồ sơ tài liệu của Hội đồng quản trị. Là cầu nối giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như với cổ đông của Công ty, trong năm 2014, Ban Pháp chế - Thư ký đã thực hiện tốt vai trò truyền đạt

Bên cạnh đó, Ban Pháp chế - Thư ký trực tiếp tham mưu cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc các nội dung liên quan đến pháp lý trong quá trình hoạt động của Công ty.

**4. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị**

Thù lao của Hội đồng Quản trị được phân phối theo Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ.FECON của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 15/03/2014. Các chế độ phúc lợi khác của

Hội đồng Quản trị được thực hiện theo Chính sách nhân sự của Công ty, phù hợp với vị trí công việc. Chi tiết thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm 2014 như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	322.698.155
2	Hà Thế Phương	Phó chủ tịch HĐQT	267.641.826
3	Hà Thế Lộng	Ủy viên HĐQT	207.713.461
4	Hà Cửu Long	Ủy viên HĐQT	207.713.461
5	Trần Trọng Thắng	Ủy viên HĐQT	207.713.461
6	Phạm Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	207.713.461
7	Nguyễn Quang Hải	Ủy viên HĐQT	207.713.461
8	Phạm Duy Cường	Ủy viên HĐQT	
9	Nguyễn Thị Thanh Vân *	Ủy viên HĐQT	
10	Takano Satoshi **	Ủy viên HĐQT	
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.628.907.286</b>

\* Từ nhiệm ngày 30/06/2014    \*\* Bổ nhiệm ngày 30/06/2014

**III. Định hướng hoạt động năm 2015**

Theo đánh giá về tình hình chung năm 2015, tăng trưởng toàn cầu về cơ bản đang trên đà phục hồi. Năm 2015 trọng tâm của ngành xây dựng nhiều khả năng sẽ chuyển dần sang mảng xây dựng hạ tầng với nhiều dự án cầu đường, nhà máy điện, đường sắt và tàu điện ngầm đô thị, v.v... được triển khai. Trên cơ sở đánh giá năng lực nội tại, Hội đồng Quản trị đề ra chỉ tiêu kinh doanh năm 2015 như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt: 1.800 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2014.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt: 168 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2014.
- Cổ tức 10% bằng tiền.

Để đạt được mục tiêu kinh doanh trên, bên cạnh công tác quản lý rủi ro, giám sát thực hiện kế hoạch và chi tiêu ngân sách, Hội đồng quản trị sẽ tập trung chỉ đạo các vấn đề trọng yếu như sau:

**1. Phát triển kinh doanh - Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi**

Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh cốt lõi trong lĩnh vực thi công xử lý nền móng công trình. Tiếp tục đầu tư mở rộng chuỗi giá trị cụ thể là mở rộng tiếp cận việc thi công công trình ngầm và không gian ngầm, phát triển lĩnh vực hạ tầng, hợp tác liên doanh liên kết với các nhà thầu trong và ngoài nước có kinh nghiệm về lĩnh vực này để cùng đầu tư.

Mở rộng thị trường hiện có trong nước và phát triển thị trường khu vực nước ngoài. Thành lập và chuẩn hóa hoạt động của các văn phòng đại diện, chi nhánh trong và ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, tăng cường công tác tìm việc, bên cạnh việc giữ mối quan hệ với các khách hàng hiện hữu sẽ tạo thêm nhiều kênh và đầu mối thông tin để tiếp cận khách hàng mới.

**2. Công tác đầu tư**

Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị tăng cường năng lực thi công và khả năng trúng thầu các dự án có quy mô lớn.

Tìm kiếm cơ hội mua bán và sáp nhập/hoặc liên doanh liên kết với các đối tác cùng ngành

nhằm mở rộng quy mô hoạt động. Theo đó FECON sẽ đóng vai trò hạt nhân kết nối các thành viên, tăng cường sức mạnh cạnh tranh bằng việc cơ cấu phân khúc hoạt động của FECON và các đơn vị thành viên trong lĩnh vực xây lắp theo quy mô dự án và thị trường nhằm phát huy nguồn lực, tăng lợi thế cạnh tranh, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Đối với nhiệm vụ đầu tư dự án, công ty đặc biệt ưu tiên các dự án có hiệu quả và ít rủi ro, tạo nhanh dòng tiền thông qua hoạt động thi công. Với nguyên tắc: “đầu tư 1 đồng thì phải tạo dòng tiền 2 đồng”. Công ty chú trọng nhiệm vụ thi công trên cơ sở dòng tiền mang về bởi các đối tác tham gia đầu tư cùng hoặc các nguồn vốn hợp lý.

**3. Công tác phát triển nguồn lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, kỹ sư, công nhân viên, đặc biệt đội ngũ quản lý cấp cao và cấp trung. Thu hút các nhân tài mới, điều động nhân sự đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực trong toàn hệ thống FECON. Triển khai các hoạt động, các chương trình đào tạo để xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên 5 giá trị cốt lõi: Trách nhiệm chuyên nghiệp, đam mê quyết liệt, trung thực thẳng thắn, cầu thị hướng thượng và đồng tâm hiệp lực.

**4. Công tác hợp tác Quốc tế**

Phát triển đối tác tài chính, khoa học công nghệ và khách hàng nước ngoài. FECON phấn đấu trở thành “Best Local Partner” đối với các đối tác nước ngoài đến đầu tư tại Việt Nam.

**5. Công tác nghiên cứu phát triển**

Công ty tiếp tục đầu tư đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D) bao gồm:

- Tập trung nghiên cứu KHCN, cải tiến công nghệ hiện có.
- Nghiên cứu chiến lược phát triển doanh nghiệp.
- Nghiên cứu phát triển các dự án mới là các hoạt động công ty sẽ đẩy mạnh thực hiện.

**CHỈ TIÊU KINH DOANH 2015**

**DOANH THU HỢP NHẤT 1,800 TỶ VNĐ /TĂNG 33%**

**LNST HỢP NHẤT 168 TỶ VNĐ /TĂNG 24,4%**

**CỔ TỨC 10% TIỀN MẶT**



# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

# FECON

*Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao*



## I. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

### 1. Đánh giá của ban Tổng Giám đốc

Năm 2014 là năm chứng kiến sự nỗ lực vượt khó của toàn thể hệ thống FECON trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy chỉ hoàn thành 90% chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận do Đại hội đồng Cổ đông đề ra, kết quả kinh doanh năm 2014 của FECON cũng đã ghi nhận sự tăng trưởng khả quan so với năm 2013 và là tiền đề cho mục tiêu tăng trưởng năm 2015 và trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư tìm kiếm đối tác để mở rộng chuỗi giá trị của FECON trong năm 2014 đạt được những thành công đáng kể với việc trở thành cổ đông chiến lược sở hữu thành công trên 25,76% cổ phần tại Tổng công ty Tư vấn Thiết kế giao thông vận tải – TEDI và 10% cổ phần tại Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Cienco 1 và hợp tác với Cienco1 và Coteccons để thành lập Công ty CP Đầu tư Hạ

tầng FCC trực tiếp triển khai dự án BOT QL1A tại Phú Lý.

Là năm thành công trong Hoạt động huy động vốn với chi phí thấp và dài hạn, tạo nền tảng tài chính vững chắc với việc huy động thành công 195 tỷ đồng Trái phiếu chuyển đổi từ Ngân hàng phát triển Nhật Bản (DBJ) cũng như mở rộng cánh cửa hợp tác với các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam.

Với việc tập trung vào các dự án xử lý nền móng sở trường, FECON tiếp tục thực hiện các dự án nằm trong hoạt động cốt lõi là thi công xử lý nền móng công trình, đồng thời mở rộng chuỗi giá trị của mình sang mảng công trình ngầm đô thị cụ thể hướng đến các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Những thành công này là nền tảng vững chắc để FECON tiếp tục nắm bắt cơ hội phát triển theo chiến lược đã được hoạch định khi nền kinh tế Việt Nam thực sự phục hồi trong các năm tới.

#### 1.1. Doanh thu và lợi nhuận

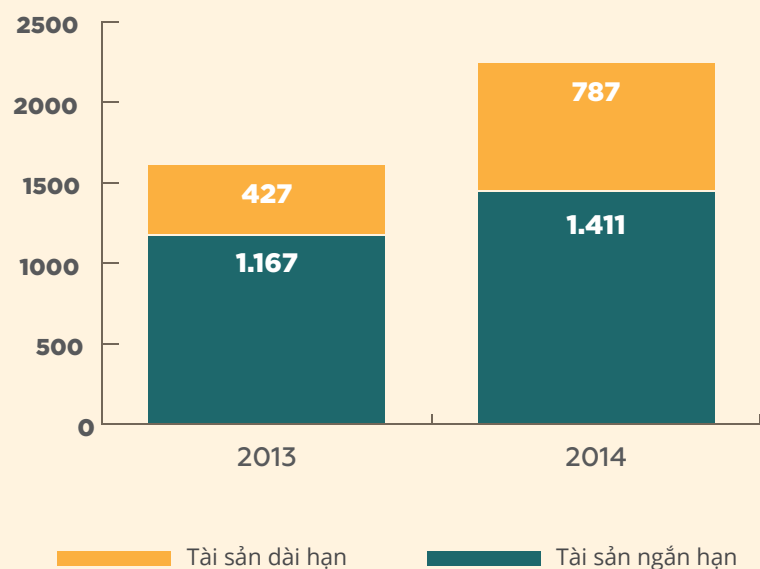
- Mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2014 trên báo cáo hợp nhất lần lượt là 12,5% và 16,3%. Tuy chưa đạt kế hoạch, mức tăng trưởng này cũng rất đáng khích lệ trong bối cảnh thị trường xây dựng và bất động sản đang trong giai đoạn dần hồi phục
- Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu năm 2014 đạt 19%, tăng nhẹ so với mức 17% năm 2013 nhờ các dự án FDI, dự án trọng điểm quốc gia được triển khai trong năm với yêu cầu cao về chất lượng và tiến độ được hoàn thành với mức lợi nhuận khả quan.

#### 1.2. Cơ cấu tài sản

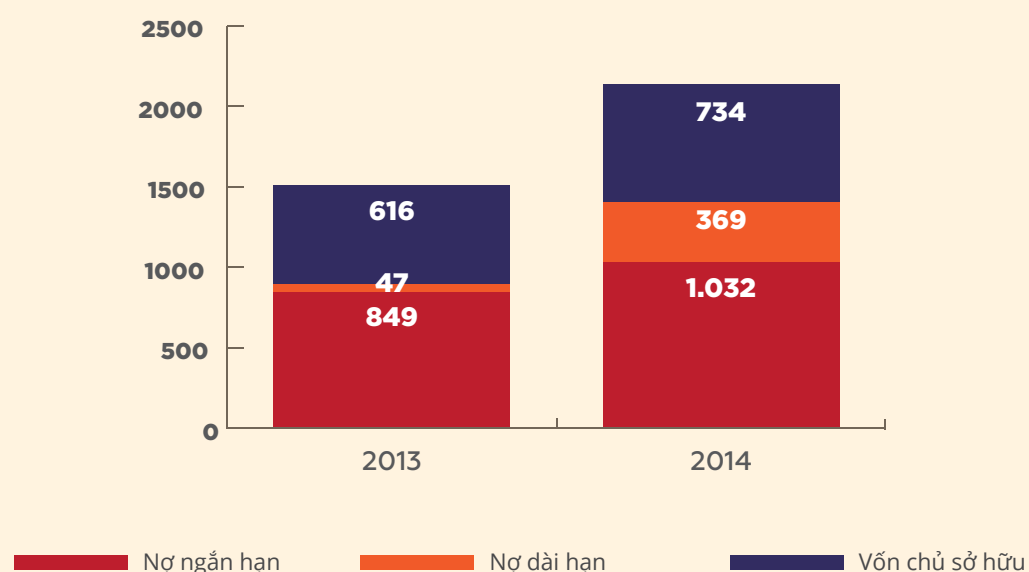
- Tổng tài sản tăng mạnh 38% trong năm 2014 do trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn tăng 84% so với năm 2013. Tài sản dài hạn tăng mạnh là do việc FECON tăng cường đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công các công trình trọng điểm, đáp ứng nhu cầu cao về chất lượng của các chủ đầu tư, tổng thầu Nhật, Hàn Quốc... Nguyên nhân thứ hai là việc Công ty thực hiện đầu tư thành công và trở thành đối tác chiến lược của TEDI và Cienco 1, cũng như tham gia đầu tư xây dựng vào Công ty Đầu tư Hạ tầng FCC, đơn vị triển khai dự án BOT QL1A tại Phú Lý.
- Tài sản ngắn hạn cũng tăng 21% chủ yếu do khoản phải thu khách hàng tăng nhanh (39%) do việc ghi nhận doanh thu tại các công trình lớn như Samsung, Nghi Sơn diễn ra chính tại thời điểm cuối năm.

- Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của FECON cuối năm là 236,57 tỷ, giảm so với mức 360 tỷ năm 2013 do nhu cầu đầu tư máy móc và đầu tư chiến lược vào các công ty trong ngành năm 2014 khá cao và đã được thực hiện xong trong năm.

Cơ cấu tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



### 1.3. Cơ cấu nợ phải trả

- Nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2014 là 1,401 tỷ, tăng 56% so với đầu năm nguyên nhân là do khoản nợ dài hạn trong kỳ tăng nhanh để tài trợ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị, và phần lớn đến từ khoản đầu tư Trái phiếu chuyển đổi giá trị 195 tỷ của DBJ.
- Tình hình thanh khoản của FECON ở mức khá

an toàn khi các chỉ số thanh khoản nhanh và hiện hành đều ở mức ổn định qua các năm và ở ngưỡng an toàn.

- Trong năm 2014, FECON không phát sinh nợ xấu, nợ quá hạn, được các tổ chức tín dụng, bạn hàng đánh giá ở mức tín nhiệm cao và duy trì một trạng thái tài chính lành mạnh và ổn định và bền vững trong dài hạn.

## 2. Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2015

Trên cơ sở các mục tiêu của HĐQT đề ra cho năm 2015, để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh, Ban Tổng giám đốc tập trung các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh như sau:

### 2.1. Quản trị nhân lực

- Chuẩn bị nguồn lực, tăng năng lực quản lý để vận hành bộ máy một cách tối ưu, tăng năng lực cạnh tranh của hệ thống.
- Ưu tiên nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên số 1 là đội ngũ quản lý các cấp, đội ngũ quản lý tài chính, đội ngũ thiết kế và quản lý thi công chuyên nghiệp có khả năng phục vụ lâu dài.

- Khai thác mở cung cấp VLXD.

- Tăng thêm nhiều các nhà thầu phụ trong lĩnh vực thi công, cung cấp vật liệu để chủ động nguồn lực huy động.

- Liên kết để nhận các dự án khoan nhồi, Jet grouting, Hạ tầng v.v...

### 2.2. Quản trị sản xuất thi công

- Giao chỉ tiêu hoạt động KPI đến từng Giám đốc chức năng, bộ phận.
- Tăng cường Liên kết với các Công ty lớn của nước ngoài để cải thiện năng suất chất lượng dịch vụ, kiểm soát được công nghệ đủ tầm để thực hiện các dự án ODA trong nước, các dự án đầu tư nước ngoài yêu cầu cao về tiến độ và chất lượng.

### 2.4. Hoạt động đầu tư - quản trị tài chính

- Tăng năng lực tài chính thông qua các kênh huy động vốn, các chương trình phát hành trái phiếu.
- Đầu tư cơ sở vật chất cho mảng thí nghiệm, khảo sát cọc khoan nhồi, công trình ngầm và hạ tầng. Phát triển nhân lực các mảng này để chiếm lĩnh thị trường.

- Tiếp tục triển khai nghiên cứu tiếp cận về xây dựng công trình ngầm, không gian ngầm để phục vụ đầu tư phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.

### 2.5. Thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng và triển khai chiến lược thương hiệu, chiến lược marketing phù hợp với định hướng phát triển công ty.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp đặc sắc luôn không ngừng học hỏi và đổi mới, luôn cư xử với thái độ biết ơn, xây dựng cung cách làm việc chuyên nghiệp hết mình, làm việc teamwork, đoàn kết.

### 2.3. Mở rộng chuỗi cung ứng

- Xây dựng thêm nhà máy sản xuất cọc tại khu vực có dự án lớn tiềm năng ở Nghi Sơn.

## II. Tình hình đầu tư 2014

### 1. Mua cổ phần

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 về kế hoạch đầu tư, trong năm Công ty đã thực hiện đầu tư cổ phần tại các đơn vị:



STT	Tên công ty	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Mục đích đầu tư
1	Công ty Đầu tư Hạ tầng FCC	34,76 tỷ	40%	Nắm giữ chiến lược thực hiện dự án BOT đường tránh Phủ Lý
2	Công ty CP Khoáng sản FECON	53 tỷ	36%	Cổ phần phát hành thêm. Nắm giữ chiến lược
3	Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải	71,5 tỷ	25,76%	Nắm giữ chiến lược
4	Tổng công ty Xây dựng Công trình giao thông 1	70 tỷ	10%	Nắm giữ chiến lược

## 2. Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị

- Đầu tư máy móc thiết bị trong năm: 191 tỷ
- Đầu tư xây dựng phần mềm quản lý SAP: 15 tỷ

## III. Tình hình thị trường 2014 và dự báo 2015

**TRONG NĂM 2015, BAN LÃNH ĐẠO FECON ĐÁNH GIÁ MẢNG XÂY DỰNG HẠ TẦNG SẼ TIẾP TỤC DẪN DẮT NGÀNH XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN & SẼ LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN CỦA CÔNG TY.**

Ngành xây dựng trong năm 2014 đã có những sự chuyển biến tích cực, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực xây dựng hạ tầng. Cụ thể, xây dựng dân dụng và chuyên dụng tăng trưởng 15,7% và trở thành điểm sáng dẫn dắt toàn ngành. Mặc dù tình trạng thi công chậm tiến độ vẫn còn diễn ra tại một số dự án trọng điểm như dự án mở rộng quốc lộ 1A (đặc biệt đoạn qua khu vực miền Trung) và các dự án đường sắt đô thị (Nam Thăng Long – Trần Hưng Đạo, Cát Linh – Hà Đông) nhưng nhìn chung, năm 2014 đã cho thấy sự khởi sắc rõ nét của lĩnh vực xây dựng hạ tầng. Các công trình vốn ngân sách, vốn vay ODA được đẩy mạnh triển khai và đặc biệt là sự tăng trưởng mạnh của khu vực vốn FDI đã tạo động lực để mảng xây dựng dân dụng và chuyên dụng tăng trưởng mạnh.

Trong năm 2015, Ban lãnh đạo FECON đánh giá mảng xây dựng hạ tầng sẽ tiếp tục dẫn dắt ngành xây dựng phát triển và sẽ là động lực tăng trưởng dài hạn của Công ty.

Xây dựng nhà ở khởi sắc, xây dựng hạ tầng sẽ tiếp tục là động lực dẫn dắt ngành. Diễn biến thị trường bất động sản cho thấy sự khởi sắc hơn trong năm nay, tồn kho giảm mạnh 17,6%

so với cuối năm 2013 khi mức giá đã hợp lý hơn và nguồn cung đang nhắm đến phân khúc bình dân, phù hợp với nhu cầu thực tế. Xây dựng hạ tầng vẫn là điểm sáng trong năm 2015. Theo phê duyệt điều chỉnh chiến lược phát triển GTVT Việt Nam đến năm 2020, quy hoạch mạng đường bộ cao tốc bao gồm 22 tuyến với tổng chiều dài 5.837 km. Thực trạng hiện nay, Việt Nam mới chỉ có khoảng 500km đường cao tốc, do đó dư địa phát triển vẫn rất lớn. Sau khi Nghị định 15/2015/NĐ-CP năm 2015 ra đời, hợp tác hình thức PPP có thể phát triển mạnh hơn, thu hút thêm nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng, mang lại triển vọng dài hạn cho lĩnh vực này.

Đầu tư nước ngoài được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng. Các hiệp định như TPP, FTA chuẩn bị được thông qua mang đến thuận lợi cho nhiều ngành sản xuất thế mạnh của Việt Nam. Đây là cơ hội để Chính phủ có thể tăng cường thu hút dòng vốn ngoại, tạo động lực tăng trưởng cho hoạt động xây dựng trong năm 2015. Những năm gần đây cho thấy xu hướng các nhà sản xuất lớn đang dịch chuyển hệ thống sản xuất từ Trung Quốc sang Đông Nam Á nhằm tận dụng các chính sách ưu đãi và nguồn nhân công giá rẻ. Trường hợp của Samsung với các

dự án xây dựng khu tổ hợp công nghệ tại Thái Nguyên, TPHCM và Bắc Ninh là ví dụ điển hình, với FECON đã kí thành công hợp đồng cung cấp và thi công cọc tại Dự án Samsung HCM. Xu thế

này sẽ còn tiếp diễn và là cơ sở để Ban lãnh đạo công ty kỳ vọng dòng vốn đầu tư xây dựng sẽ tiếp tục tìm đến Việt Nam trong năm sau, và FECON sẽ tiếp tục được hưởng lợi từ xu thế này.

## IV. Quản trị công ty

### 1. Thông tin cổ phiếu

#### 1.1. Thông tin cổ phiếu

- Vốn điều lệ Công ty : 457.228.540.000 đồng
- Khối lượng cổ phiếu niêm yết : 45.722.854 cổ phiếu
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành: 45.722.854 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu

#### 1.2. Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần

STT	Tên tổ chức	Cổ đông trong nước Số lượng CP/tỷ lệ	Cổ đông nước ngoài Số lượng CP/tỷ lệ	Tổng cộng
1	Cổ đông nhà nước	0/0	0/0	0/0
2	Cổ đông sở hữu 5% trở lên	3.770.390 / 8,25%	8.241.645 / 18,03%	12.012.035.00 / 26,28%
3	Cổ đông sở hữu 1-5%	5.018.651 / 10,98%	4.013.957 / 8,78%	9.032.608.00 / 19,76%
4	Cổ đông sở hữu dưới 1%	22.334.511 / 48,85%	2.343.700 / 5,13%	24.678.211,00 / 53,97%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>31.123.552 / 68,07%</b>	<b>14.599.302,00 / 31,93%</b>	<b>45.722.854 / 100,00%</b>

#### 1.3. Cơ cấu cổ đông theo loại hình

STT	Cơ cấu Cổ đông	Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ
<b>Tổng cổ đông</b>		<b>2.250</b>	<b>45.722.854</b>	<b>100%</b>
1	Cổ phiếu quỹ	—	—	—
2	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>2.184</b>	<b>31.123.552</b>	<b>68,07%</b>
	Tổ chức	36	1.921.979	4,2%
	Cá nhân	2.148	29.201.573	63,87%
3	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>66</b>	<b>14.599.302</b>	<b>31,93%</b>
	Tổ chức	17	13.672.284	29,90%
	Cá nhân	49	927.018	2,03%

## 2. Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Phạm Việt Khoa	P 525, CT4, KĐT Mỹ Đình Sông Đà, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.770.390	8,25%
2	Groudtech Holding Co., Ltd	Rm 51, 5th Floor, Britannia House, Jalan Cator, Bandar Seri Begawan, BS 8811, Negara Brunei Darussalam	2.742.795	6,55%
3	Vietnam Holding Limited	Vietnam Holding Asset Management Limited's Representative Office: Unit 1202 Floor 12, Fideco Tower, 81-85 Ham Nghi, District, HCMC, Vietnam	2.993.760	6,00%
4	Erikoissijoiusrahasto Elite (Mutual Fund Elite (Non-Ucits))	C/O Pyn Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland	2.505.090	5,48%

## 3. Tình hình tăng vốn điều lệ

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 59.637.360.000 đồng, từ 397.591.180.000 đồng lên 457.228.540.000 đồng thông qua việc:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức bằng cổ phiếu: 39.757.810.000 đồng
- Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP: 19.879.550.000 đồng

## 4. Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2013 không có giao dịch phát sinh giữa FECON với các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý.

## 5. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người liên quan

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Hà Thị Chín	Hà Thế Phương (Em gái)	117.396	0,24%	117.396	0,24%	Bán cổ phiếu
2	Hà Thị Tâm	Hà Thế Phương (Chị gái)	20.00	0,05%	20.00	0,05%	Bán cổ phiếu
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phạm Quốc Hùng (Vợ)	98.600	0,21%	98.600	0,21%	Bán cổ phiếu

# Quản trị rủi ro

Hoạt động quản lý rủi ro được tổ chức tốt giúp cải thiện hiệu quả hoạt động, tạo lợi thế cạnh tranh; góp phần phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; giảm thiệt hại và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

Xây dựng, đặc biệt là mảng nền móng công trình là một lĩnh vực phức tạp và ẩn chứa nhiều rủi ro. Rủi ro trong ngành xây dựng hình thành do những yêu cầu pháp lý, các vấn đề liên quan đến tài chính, tuyển dụng lao động, khả năng thực hiện dự án và đặc biệt là an toàn trong thi công... Quản lý rủi ro được tổ chức tốt sẽ góp phần tăng thêm giá trị cho doanh nghiệp, giúp cải thiện hiệu quả hoạt động, tạo lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu những sai sót trong các mặt hoạt động.

Ban lãnh đạo FECON rất coi trọng công tác quản lý rủi ro được xem là mối quan tâm hàng đầu trong giai đoạn hội nhập sâu rộng với Quốc tế. Để đảm bảo hoạt động quản lý rủi ro được thực hiện hiệu quả, công tác quản lý rủi ro được đưa thành một phần chính thức trong hệ thống kiểm soát nội bộ của FECON. Thực hiện chính sách minh bạch hóa rủi ro, đặc biệt trong các buổi họp giao ban của Công ty đều đề cập đến các vấn đề quản lý rủi ro có thể gặp phải nhằm nâng cao nhận thức cũng như có biện pháp phòng ngừa, ứng phó.

## Những rủi ro ảnh hưởng đến công ty

### 1. Xử lý rủi ro về an toàn lao động

Đặc điểm hoạt động của FECON là thi công cơ giới hóa cao. Người lao động thao tác trực tiếp với các thiết bị thi công luôn tiềm ẩn nguy cơ cao. Điều kiện làm ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố thời tiết khí hậu. Do đó, nếu không có một tổ chức hệ thống quản lý về an toàn lao động hiệu quả sẽ dễ dẫn đến các vụ tai nạn lao động xảy ra tổn thất về con người, tiếp đến là tổn thất về chi phí, sự suy giảm tín nhiệm đối với chủ đầu tư, công ty tư vấn và uy tín của Công ty.

phòng ngừa hiệu quả. Nghiên cứu, áp dụng các biện pháp thi công phù hợp cho mỗi công trình. Thực hiện tốt các chế độ kiểm tra, bảo trì trang thiết bị thi công.

Tổ chức cán bộ chuyên trách thuộc Phòng an toàn lao động luôn giám sát quy trình nghiêm ngặt trong các công trường.

Hệ thống quản lý an toàn được xây dựng từ những ngày đầu thành lập và ngày càng hoàn thiện. FECON đã xây dựng được các chính sách về an toàn lao động rất chặt chẽ. Cán bộ kỹ sư, lao động thi công được được phổ biến, đào tạo thường xuyên để đảm bảo mọi cá nhân đều hiểu và thực hiện đúng quy định.

FECON luôn ưu tiên đặt công tác an toàn lao động lên hàng đầu. Trước mỗi hạng mục thi công, Ban chỉ huy công trường phải tuân thủ nghiêm túc các quy trình, thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro có thể xảy ra để có biện pháp

### 2. Xử lý rủi ro về kỹ thuật

Hoạt động thi công xử lý nền móng do FECON thực hiện đòi hỏi sự chính xác và hệ số an toàn cao do tính đặc thù là phần thực hiện công việc ở dưới mặt đất. Rủi ro trong các công trình do FECON thực hiện trong các công trình là khả năng xảy ra những sự do các yếu tố kỹ thuật (vật liệu, thiết bị, máy móc, sai sót từ khâu thiết

kế, thi công, tiến độ,...) làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ và hiệu quả dự án.

Ban lãnh đạo FECON luôn ý thức được tính chất phức tạp trong lĩnh vực hoạt động của mình và luôn nghiên cứu, đánh giá về các sự cố trong từng công trình đã thực hiện để đúc rút kinh







### 3. Xử lý rủi ro về thanh toán

Khoản phải thu trong hoạt động xây dựng là một vấn đề rất phức tạp, đặc biệt trong tình hình kinh tế nhiều khó khăn như hiện nay. Việc chậm thanh toán xuất phát từ nhiều nguyên nhân như: chủ đầu tư không huy động được nguồn vốn, chưa kể một số chủ đầu tư cố tình kéo dài thời hạn thanh toán để chiếm dụng vốn của nhà thầu.

Với đặc điểm ngành thi công nền móng, rủi ro chậm thanh toán đối với FECON là thấp hơn so với các doanh nghiệp xây dựng khác do FECON tham gia vào giai đoạn đầu tiên của công trình,

ty luôn được đào tạo huấn luyện thường xuyên để sớm chủ động nhận dạng, phân tích, đánh giá, có biện pháp quản trị rủi ro ngay từ lúc lập dự án, đấu thầu, cũng như trong lúc triển khai thi công.

thường là lúc năng lực tài chính của Chủ đầu tư khá dồi dào. Tổng thầu/Nhà đầu tư là khách hàng của FECON trong các dự án hướng đến là các Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước với nguồn vốn mạnh đã giúp FECON giảm thiểu việc chậm thanh toán khi thi công.

Tổ thu hồi công nợ được thành lập có trách nhiệm giám sát và theo sát việc thanh toán. Mỗi dự án FECON đều tìm hiểu, đánh giá tình hình tài chính của chủ đầu tư để quyết định tham gia đấu thầu.



### 4. Xử lý rủi ro trong công tác kế hoạch và dự báo

Để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, Ban Lãnh đạo FECON chú trọng công tác lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo. Công ty xây dựng một quy trình lập kế hoạch chi tiết đến từng đơn vị, bộ phận và từng mảng hoạt động. Song song với công việc lập và kiểm soát kế hoạch ngân sách định kỳ, để giúp Ban lãnh đạo đưa ra những giải pháp, quyết định đúng đắn trong công tác quản lý tốc độ tăng trưởng phù hợp với năng lực của Công

ty và tình hình thị trường trong từng giai đoạn khác nhau, kiểm soát và hạn chế rủi ro trong quá trình hoạt động,

FECON không ngừng cải tiến quy trình lập kế hoạch, kiểm soát ngân sách và dự báo với việc triển khai hệ thống SAP ERP giúp Công ty hoàn thiện quy trình lập ngân sách và dự báo dòng tiền hiệu quả.



### 5. Xử lý rủi ro về khủng hoảng mối quan hệ

FECON xây dựng được mối quan hệ truyền thống và bền chặt với các tập đoàn kinh tế lớn Nhà nước bao gồm PVN, EVN, các Tổng công ty xây dựng hạ tầng lớn và khối đầu tư nước ngoài.

Các dự án do FECON đảm nhiệm với chủ đầu tư đều được thực hiện cam kết rất cao về chất lượng và tiến độ. Với uy tín và thương hiệu được xây dựng qua các hàng loạt các dự án lớn, mối quan hệ với khối đầu tư nước ngoài đã và đang là một thế mạnh của FECON so với các

đối thủ cạnh tranh khác và đây là biện pháp hiệu quả nhất để tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ với các đối tác.

Để phòng ngừa rủi ro này, Ban lãnh đạo FECON chủ động phân loại đầy đủ các cấp độ ảnh hưởng của các mối quan hệ, có chiến lược rõ ràng trong việc quản lý, giao nhiệm vụ cụ thể để duy trì củng cố thường xuyên mối quan hệ với các đối tác chiến lược trong tất cả các mảng khoa học công nghệ, Kỹ thuật dịch vụ và tài chính.

## Báo cáo của Ban Kiểm soát



Năm 2014, tình hình kinh tế - chính trị thế giới còn rất nhiều bất ổn, xung đột và diễn biến khó lường. An ninh, bất ổn trên Biển Đông trong năm qua cũng đã ảnh hưởng một phần đến hoạt động của nhiều doanh nghiệp, trong đó có FECON.

Trong nước, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi nhưng môi trường kinh doanh và năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong khi yêu cầu hội nhập quốc tế ngày càng cao.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn và thách thức, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON đã phải chịu rất nhiều áp lực. Tuy nhiên, với quyết tâm, ý chí và bản lĩnh của Hội đồng

quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã vững vàng vượt qua năm 2014 đầy thách thức, hoạt động kinh doanh được mở rộng và đạt được kết quả tích cực, tiếp tục khẳng định vị thế là Công ty hàng đầu Việt Nam về giải pháp tổng thể cho nền móng công trình.

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật về quản trị Công ty đại chúng, Ban kiểm soát trong năm 2014 đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty liên quan đến công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư. Đồng thời cũng tiến hành kiểm tra đánh giá Báo cáo tài chính của Công ty cũng như các Công ty thành viên trong hệ thống.

*Ban kiểm soát trong năm 2014 đã hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty liên quan đến công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư.*

## I. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của ban kiểm soát

### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2014, Ban Kiểm soát của Công ty, gồm 03 thành viên, đã triển khai các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ của năm 2014 theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Thông tư 121/2012/TT-BTC và Điều 36, Điều 37 Điều lệ Công ty như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), tổng số 09 buổi họp chính thức trong năm; Kiểm tra và giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2014 của HĐQT và Ban TGD.
- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, BTGD trong công tác quản lý,

điều hành sản xuất, đầu tư đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ hoạt động của công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Trong năm 2014 HĐQT đã đề ra 34 Nghị quyết cùng 9 Quyết định về các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức, Quy chế hoạt động, định hướng và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc thực thi và công bố các thông tin Công ty theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.
- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014, phối hợp với đơn vị, phòng ban có liên quan để làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính.

## 2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các khoản thưởng, chế độ phúc lợi của

Ban Kiểm soát được thực hiện theo chính sách thưởng của Công ty. Chi tiết thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2014 như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao ( VNĐ)
1	Phùng Tiến Trung	Trưởng ban	207.713.461
2	Nguyễn Chí Công	Thành viên	87.856.730
3	Bùi Thanh Tùng	Thành viên	87.856.730
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>383.026.921</b>

## II. Đánh giá tình hình tài chính của công ty 2014

### 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tính đến ngày 31/12/2014)

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt tăng trưởng tương đối chậm vào đầu năm nhưng đã có sự chuyển biến tích cực và đi lên vào cuối năm.

Một số chỉ tiêu tài chính thể hiện kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu (tóm tắt)	Giá trị tại ngày 31/12/2014
1	<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.198,1</b>
	Tài sản ngắn hạn	1.411,6
	Tài sản dài hạn	786,5
2	<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.198,1</b>
	Nợ phải trả	1.400,8
	Vốn chủ sở hữu	733,8
	Lợi ích của cổ đông thiểu số	63,5
3	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>1.354</b>
	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	256
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	169
4	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>135</b>
5	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>3.042</b>

Đơn vị: tỷ VNĐ



Tổng doanh thu của Công ty đạt mức **1.354 tỷ, tăng 12,5%** so với năm 2013. **Lợi nhuận sau thuế đạt 135 tỷ, tăng 16,3%** so với năm 2013. Có thể nói, trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, việc duy trì và tăng trưởng được các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận như vậy thực sự là một thành tích đáng khích lệ của Công ty năm 2014.

## 2. Công tác đầu tư

Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện đúng chương trình đầu tư theo kế hoạch trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đầu năm 2014, đó là:

- Trở thành cổ đông chiến lược và sở hữu thành công trên 25,76% cổ phần tại Tổng công ty Tư vấn Thiết kế giao thông vận tải – TEDI.
- Trở thành cổ đông chiến lược và sở hữu thành công 10% cổ phần tại Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Cienco1.
- Huy động thành công 195 tỷ đồng từ phát hành Trái phiếu chuyển đổi cho Ngân hàng

phát triển Nhật Bản (DBJ) cũng như mở rộng cánh cửa hợp tác với các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư vào Việt Nam.

- Hợp tác với Cienco1 và Cotecons để thành lập Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC trực tiếp triển khai dự án BOT QL1A tại Phú Lý.
- Đầu tư máy móc, nhà xưởng để nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty đặc biệt trong các dự án trọng điểm như Samsung, Nghi Sơn v.v...

Các hoạt động đầu tư trong năm là kịp thời, đúng đắn phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty và diễn biến của thị trường.

## 3. Kiểm tra báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2014 – kết thúc ngày 31/12/2014.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014,

kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với các chuẩn mực và quy định của chế độ kế toán hiện hành.

## III. Đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Trong năm 2014, HĐQT bao gồm 9 thành viên, đã thực hiện tốt công việc định hướng phát triển; ban hành các quy chế hoạt động và quản lý Công ty. Các hoạt động của HĐQT thể hiện trách nhiệm vì mục tiêu chung, vì sự phát triển và ngày một lớn mạnh của Công ty.

Các quyết định của HĐQT trong năm 2014 là đúng đắn, phù hợp với lợi ích chung của Công ty và các cổ đông. Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2014 được HĐQT chỉ đạo triển khai kịp thời đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của Công ty trong điều kiện khó khăn chung của

nền kinh tế, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã thể hiện sự nỗ lực, quyết tâm vượt

khó của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty.

## 2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)

Năm 2014 là năm chứng kiến sự nỗ lực vượt khó của toàn thể hệ thống FECON trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều giải pháp kịp thời để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra của HĐQT.

Công ty, nguồn tín dụng từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để phát triển và mở rộng sản xuất.

Điều hành của Ban Tổng Giám đốc là linh hoạt và mang lại hiệu quả tốt cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hệ thống quản lý trong Công ty liên tục được cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực như vốn góp của cổ đông, tài sản

Trong năm, việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được Ban TGD và các cấp quản lý, các bộ phận chức năng nghiêm túc thực hiện và giám sát chặt chẽ.

Chính sách đãi ngộ đối với người lao động của Ban Tổng Giám đốc là hợp lý, phù hợp với luật định, tình hình kinh tế xã hội chung và hoạt động sản xuất của công ty.

## IV. Đánh giá sự phối hợp giữa ban kiểm soát, HĐQT, ban TGD và cán bộ quản lý

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã có được sự phối hợp và cộng tác tốt từ HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý của Công ty trong việc cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý của Công ty trong công tác kiểm soát nội bộ Công ty phù hợp với quy chế công ty, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông.





## Trách nhiệm Xã hội

**T**rong nhiều năm qua, bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo FECON luôn đặt ra cho mình một nhiệm vụ quan trọng khác, đó là đóng góp cho cộng đồng. Chính vì vậy, ngay từ khi thành lập, các hoạt động xã hội như trao học bổng, sách vở cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt hay các hoạt động tri ân, đền ơn đáp nghĩa... luôn là các hoạt động được FECON tham gia nhiệt tình. Trong năm 2014, rất nhiều các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đã được triển khai như:

Trao học bổng thường niên cho học sinh nghèo

vượt khó năm thứ 9 tại trường Tiểu học và THCS xã Yên Phú, huyện Ý Yên, Nam Định. Công ty FECON cũng trao 25 suất học bổng thường niên cho các sinh viên xuất sắc của khoa Địa Chất - ĐH Mở Địa chất trong lễ tổng kết năm học của nhà trường.

Tài trợ chương trình khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí thường niên cho năm thứ 6 cho các cụ cao tuổi tại xã Yên Phú, huyện Ý Yên, Nam Định.

Kỷ niệm 67 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2014), Công ty FECON đã trao quà và bò giống cho các hộ gia đình chính

sách xã Yên Phú, tổ chức chuyển dâng hương tại nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, nghĩa trang quốc gia Đường 9, dâng hương tại thành cổ Quảng Trị, thăm và trao tặng nhiều suất quà cho các gia đình ngư dân trên đảo Lý Sơn.

Đoàn Thanh niên FECON đã kết hợp với Đoàn thanh niên các đơn vị ĐH Công nghệ GTVT (UTT), Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT (TEDI) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình GT 1 (CIENCO1) tổ chức chương trình tình nguyện "Áo ấm vùng cao", quyên góp áo đồng phục, chăn ấm, sách vở gửi tặng các em học sinh, các gia đình khó khăn xã Văn Chải, huyện Đồng Văn, Hà Giang.

Từ năm 2014, Công ty FECON cũng đã triển khai các hoạt động đồng hành cùng Võ thuật Cổ truyền Việt Nam. Công ty đã tài trợ cho các giải đấu võ thuật cổ truyền như "Giải trẻ và thiếu niên Võ cổ truyền toàn quốc lần thứ XV", "Đại hội TDTT Toàn quốc lần thứ VII", nhằm phát triển tài năng trẻ, quảng bá hình ảnh của văn hóa Võ Việt ra với bạn bè thế giới.

Công ty luôn mong muốn góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn, vì một xã hội công bằng, văn minh, thịnh vượng. Đây cũng là văn hóa doanh nghiệp của FECON, là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng.



# Báo cáo TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc **58**

Báo cáo Kiểm toán độc lập **61**

Bảng cân đối kế toán hợp nhất **62**

Báo cáo kết quả hoạt động  
kinh doanh hợp nhất **65**

Báo cáo lưu chuyển  
tiền tệ hợp nhất **66**

Bản thuyết minh báo cáo  
tài chính hợp nhất **68**



# Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004661 lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 18 ngày 06/02/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0101502599.

- **Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty:** Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ và Xây lắp
- **Trụ sở chính của Công ty:** Tầng 15 Tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Phạm Hùng, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- **Vốn điều lệ của Công ty: 457.228.540.000 VNĐ**  
(Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

## 2. Các đơn vị thành viên của Công ty

STT	Tên công ty con	Địa chỉ
1	Viện nền móng và Công trình ngầm	Tầng 16, tòa nhà CEO, lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON SHANGHAI HARBOUR	Tầng 19, tòa nhà CEO, lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Lô NX-D2, khu công nghiệp Long hậu, xã Long Hậu, huyện cần Giuộc, tỉnh Long An
4	Trường THPT Ý Yên	Xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
Tên công liên kết		Địa chỉ
5	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
6	Tổng công ty tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải - CTCP	Số 278 Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội

## 3. Các sự kiện phát sinh trong kỳ kế toán và sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 59.637.360.000 VNĐ từ 397.591.180.000 VNĐ lên 457.228.540.000 VNĐ và đã hoàn thành thủ tục thay đổi đăng ký kinh doanh ngày 27/06/2014, trong đó:

- Tăng vốn từ cổ tức năm 2013: 39.757.810.000 VNĐ – Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 06/2014/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 15/03/2014.
- Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu: 19.879.550.000 VNĐ.

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 06/2014/NQ-ĐHĐCĐ.FECON ngày 15/03/2014, trong kỳ Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi, số tiền 195.585.000.000 VNĐ (Đơn vị mua: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nhật Bản) để huy động vốn, nâng cao năng lực thiết bị thực hiện dự án và đầu tư chuyên sâu vào lĩnh vực và ngành nghề hoạt động của Công ty.

Trong năm 2014, Công ty chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần, trị giá 30.000.000.000 VNĐ tại Công ty CP FECON Nghi Sơn cho Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON theo Quyết định số 28/2014/NQ-HĐQT.FECON ngày 25/06/2014.

Ngày 30/06/2014, Hội đồng quản trị đã chấp nhận đơn từ nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị của Bà Nguyễn Thị Thanh Vân, bổ nhiệm ông Takano Satoshi làm Ủy viên Hội đồng quản trị tạm thời từ ngày 01/07/2014 theo Nghị quyết số 30/2014/NQ-HĐQT.FECON ngày 30/06/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.

Theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐQT.FECON ngày 24/10/2014, Công ty miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng với ông Phạm Duy Cường từ ngày 01/12/2014. Chấp nhận đơn từ nhiệm chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty từ 01/11/2014 của ông Phạm Duy Cường theo Nghị Quyết số 01/2015/NQ-HĐQT.FECON, đồng thời bổ nhiệm ông Trương Tuấn Tú phụ trách công tác kế toán từ ngày 22/01/2015 theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐQT.FECON ngày 22/01/2015.

## 4. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	STT	Ban tổng giám đốc	Chức danh
1	Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	1	Ông Phạm Việt Khoa	Tổng Giám đốc
2	Ông Hà Thế Phương	Phó CT HĐQT	2	Ông Trần Trọng Thắng	Phó Tổng GD
3	Ông Trần Trọng Thắng	Ủy viên HĐQT			
4	Ông Hà Thế Lộng	Ủy viên HĐQT			
5	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT			
6	Ông Nguyễn Quang Hải	Ủy viên HĐQT			
7	Ông Hà Cửu Long	Ủy viên HĐQT			
8	Ông Takano Satoshi	Ủy viên HĐQT			



## 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K (trước đây là Công ty Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K) là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ tiếp theo.

## 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ hoạt động tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
Tổng Giám đốc



**PHẠM VIỆT KHOA**

# Báo cáo Kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON, lập ngày 10/03/2015, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

## 1. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## 2. Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## 3. Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc



**TU QUỲNH HẠNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0313-2014-045-1

Kiểm toán viên

**NGUYỄN TIÊN THÀNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 1706-2014-045-1

# Bảng cân đối kế toán hợp nhất

STT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.411.606.628.946</b>	<b>1.167.991.808.933</b>
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	236.575.321.193	360.151.040.948
1	Tiền	111		153.810.884.434	272.451.040.948
2	Các khoản tương đương tiền	112		82.764.436.759	87.700.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	—	5.123.896.000
	Đầu tư ngắn hạn	121		—	5.123.896.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		924.986.760.126	660.795.534.803
1	Phải thu khách hàng	131		910.131.285.563	655.073.398.075
2	Trả trước cho người bán	132		13.753.542.130	11.491.074.573
3	Các khoản phải thu khác	138	V.03	5.522.242.733	1.159.911.093
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn	139		(4.420.310.300)	(6.928.848.938)
IV	Hàng tồn kho	140		155.612.226.514	113.466.360.543
	Hàng tồn kho	141	V.04	155.612.226.514	113.466.360.543
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		94.432.321.113	28.454.976.639
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	2.465.901.069	1.292.226.225
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		87.292.488	866.023.921
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		219.279.865	551.745.556
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	91.659.847.691	25.744.980.937
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>786.481.667.534</b>	<b>426.245.183.069</b>
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		—	—
II	Tài sản cố định	220		418.773.159.841	265.859.724.125
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	151.483.805.610	131.704.868.844
	Nguyên giá	222		264.839.186.480	224.235.396.078
	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(113.355.380.870)	(92.530.527.234)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	184.793.418.040	71.930.672.248
	Nguyên giá	225		219.560.019.724	91.176.280.777
	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(34.766.601.684)	(19.245.608.529)
3	TSCĐ vô hình	227	V.09	67.294.853.346	23.831.160.832
	Nguyên giá	228		70.873.665.828	26.269.091.609
	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3.578.812.482)	(2.437.930.777)

STT	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	15.201.082.845	38.393.022.201
III	Bất động sản đầu tư	240		—	—
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	348.550.150.682	148.834.098.551
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		235.458.510.682	140.502.458.551
2	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	113.091.640.000	8.331.640.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		19.158.357.011	11.551.360.393
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	13.356.087.714	8.729.023.509
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.599.994.409	430.061.996
3	Tài sản dài hạn khác	268	V.13	4.202.274.888	2.392.274.888
VI	Lợi thế thương mại	269		—	—
<b>Tổng cộng</b>		<b>270</b>		<b>2.198.088.296.480</b>	<b>1.594.236.992.002</b>

STT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.400.787.265.813</b>	<b>895.668.987.527</b>
I	Nợ ngắn hạn	310		1.031.869.885.615	848.944.461.969
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	189.209.190.765	181.460.902.255
2	Phải trả người bán	312		553.584.197.758	352.455.051.224
3	Người mua trả tiền trước	313		6.657.059.371	59.217.873.277
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	57.275.006.276	51.311.149.453
5	Phải trả người lao động	315		3.568.010.776	9.575.577.100
6	Chi phí phải trả	316	V.16	207.483.980.578	171.986.020.643
7	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	505.074.464	675.693.585
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.679.093.200	1.146.703.019
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.908.272.427	21.115.491.413
II	Nợ dài hạn	330		368.917.380.198	46.724.525.558
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.18	363.037.582.687	40.592.978.835
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		5.879.797.511	6.131.546.723
<b>B</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>200</b>		<b>733.802.167.192</b>	<b>616.518.108.144</b>
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.19	733.802.167.192	616.518.108.144
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		457.228.540.000	397.591.180.000

Đơn vị: VND



STT	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		34.538.983.821	34.538.983.821
3	Quỹ đầu tư phát triển	417		39.176.162.869	35.157.778.716
4	Quỹ dự phòng tài chính	418		13.488.079.435	11.478.889.358
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		189.370.401.067	137.751.276.249
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		63.498.863.475	82.049.896.331
	<b>Tổng cộng</b>	<b>440</b>		<b>2.198.088.296.480</b>	<b>1.594.236.992.002</b>

Đơn vị: VNĐ

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	002		3.549.000	3.549.000
2	Ngoại tệ các loại (USD)	007		13.321,3	106.513,41

Đơn vị: VNĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

LƯU THỊ THANH HUYỀN

Kế toán trưởng

TRƯƠNG TUẤN TÚ

Tổng Giám đốc

PHẠM VIỆT KHOA

Báo cáo kết quả HĐKD hợp nhất 2014

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.21	1.353.969.468.868	1.204.727.195.590
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	1.692.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.353.969.468.868	1.204.725.503.590
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.21	1.097.940.152.976	1.000.609.829.361
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		256.029.315.892	204.115.674.229
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	11.001.071.654	12.950.035.658
7	Chi phí tài chính	22	VI.23	30.878.805.713	20.764.853.959
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.426.164.059	18.157.221.550
8	Chi phí bán hàng	24		11.817.273.675	10.544.311.234
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		63.153.404.367	50.887.082.815
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		161.180.903.791	134.869.461.879
11	Thu nhập khác	31	VI.24	140.402.442.968	25.491.970.760
12	Chi phí khác	32	VI.25	149.684.834.864	23.431.278.870
13	Lợi nhuận khác	40		(9.282.391.896)	2.060.691.890
14	Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.26	17.422.604.492	12.627.458.551
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		169.321.116.387	149.557.612.320
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	33.922.428.969	26.532.944.649
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		186.276.604	6.164.355.570
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		135.212.410.814	116.860.312.101
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</i>	61		4.905.630.463	14.528.127.542
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</i>	62		130.306.780.350	102.332.184.559
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.28	3.042	4.694

Đơn vị: VNĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

LƯU THỊ THANH HUYỀN

Kế toán trưởng

TRƯƠNG TUẤN TÚ

Tổng Giám đốc

PHẠM VIỆT KHOA

# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD</b>					
1	Lợi nhuận trước thuế	1		169.321.116.387	149.557.612.320
2	Điều chỉnh cho các khoản				
	Khấu hao TSCĐ	2		48.657.675.875	38.265.751.659
	Các khoản dự phòng	3		(3.515.535.486)	901.341.573
	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		2.057.151.633	1.892.595.931
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(10.340.199.596)	(14.924.163.361)
	Chi phí lãi vay	6		28.426.164.059	18.157.221.550
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		234.606.372.872	193.850.359.672
	Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(349.876.188.247)	(428.133.936.673)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.145.865.971)	72.066.159.163
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		210.261.085.116	338.518.080.250
	Tăng giảm chi phí trả trước	12		(5.800.739.049)	503.159.463
	Tiền lãi vay đã trả	13		(28.426.164.059)	(18.157.221.550)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(54.704.101.480)	(23.343.159.027)
	Tiền thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	15		62.004.120	1.070.356.000
	Tiền chi khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh	16		(24.315.516.379)	(5.285.252.612)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(60.339.113.077)	131.088.544.686
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(207.348.345.815)	(62.478.216.294)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		140.147.930.554	25.414.300.443
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		—	(14.154.882.000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.123.896.000	9.030.986.000
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(218.380.650.000)	(31.331.640.000)

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 2014

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.000.000.000	6.065.000.000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.724.133.161	12.766.672.088
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	39		(239.733.036.100)	(54.687.779.763)
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		19.879.550.000	200.974.073.500
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		—	—
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		683.656.239.821	393.836.318.577
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(441.570.816.728)	(366.673.256.064)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(45.716.188.178)	(23.106.656.016)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.754.668.200)	(15.649.608.100)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		176.494.116.715	189.380.871.897
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(123.578.032.462)	265.781.636.820
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		360.151.040.948	96.220.816.919
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.312.707	(1.851.412.791)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		236.575.321.193	360.151.040.948

Đơn vị: VNĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

LƯU THỊ THANH HUYỀN

Kế toán trưởng

TRƯƠNG TUẤN TÚ

Tổng Giám đốc



PHẠM VIỆT KHOA



# Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 2014

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103004661 lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 18 ngày 06/02/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp 0101502599.

Vốn điều lệ của Công ty: 457.228.540.000 VND (Bốn trăm năm mươi bảy tỷ, hai trăm hai mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây lắp.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
  - *Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc.*
- Xây dựng trình kỹ thuật dân dụng khác.
  - *Xây dựng đường hầm.*
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu:
  - *Ứng dụng và chuyển giao công nghệ xây dựng nền móng và công trình ngầm mới vào thực tế xây dựng tại Việt Nam.*
  - *Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).*
  - *Thí nghiệm kiểm tra tính nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT).*
  - *Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA).*
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh.
- Khai thác quặng sắt.

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa:
  - *Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.*
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm:
  - *Vàng, bạc, bạch kim (không bao gồm kinh doanh vàng miếng).*
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu:
  - *Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu.*
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa:
  - *Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa.*
  - *Sản xuất sản phẩm gốm sứ chịu lửa.*
- Sản xuất sắt, thép, gang.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng:
  - *Bán buôn vật liệu xây dựng như: gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.*
  - *Bán buôn vật liệu xây dựng khác.*
  - *Bán buôn kính phẳng.*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác:
  - *Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động.*
  - *Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế.*
  - *Bán buôn các loại máy công cụ, dụng cụ cho mọi loại vật liệu.*
  - *Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ.*
  - *Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính.*
  - *Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.*
  - *Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng.*
  - *Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện).*
- Cho thuê xe có động cơ.
- Vận tải hành khách đường bộ khác:
  - *Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.*
  - *Cho thuê xe chở khách có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác.*
  - *Hoạt động của các cáp treo, đường sắt leo núi.*
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa.

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu:
  - *Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.*
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
  - *Tư vấn, môi giới bất động sản.*
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:
  - *Khách sạn.*
  - *Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.*
  - *Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.*
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:
  - *Kinh doanh bất động sản.*
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
  - *Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.*

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

## III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Cơ sở hợp nhất

#### 1.1. Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

STT	Tên công ty	Ngày kiểm soát	Nơi thành lập	TL phần sở hữu (%)	TL biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Viện nền móng và Công trình ngầm	01/10/2009	Hà Nội	100%	100%	Nghiên cứu KH, sản xuất, dịch vụ
2	Công ty CP Xử lý nền Fecon Shanghai Harbour	17/01/2014	Hà Nội	50,5%	50,5%	Dịch vụ và xây dựng
3	Công ty CP FECON MILTEC	21/11/2011	Long An	50,2%	50,2%	Sản xuất, TM và xây lắp
4	Trường THPT Ý Yên	26/02/2012	Nam Định	67,7%	67,7%	Đào tạo

#### 1.2. Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia và việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

TT	Tên công ty	Vốn chủ sở hữu (triệu VNĐ)	Nơi thành lập	TL phần sở hữu (%)	TL biểu quyết năm giữ (%)	Ngành nghề chính
1	Công ty CP Khoáng sản FECON	410.000	Hà Nam	36,09%	36,09%	Sản xuất, thương mại dịch vụ
2	Tổng Công ty Tư vấn thiết kế GTVT	125.000	Hà Nội	25,76%	25,76%	Tư vấn, thiết kế xây dựng

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản vốn góp của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

#### 1.3. Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

### 2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

### 2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

### 3.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

### 3.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp đích danh.

### 3.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### 3.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2014 không có loại hàng tồn kho nào cần trích dự phòng giảm giá.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

### 4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

### 5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

### 5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

TT	Hạng mục	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	10 — 20 năm
2	Máy móc, thiết bị	04 — 08 năm
3	Phương tiện vận tải	06 — 10 năm
4	Thiết bị văn phòng	03 — 05 năm
5	Các tài sản khác	04 — 07 năm
6	Quyền sử dụng đất	25 — 48 năm
7	Phần mềm quản lý	03 — 05 năm

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

### 6.1. Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**6.2. Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính**

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của công ty

Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

**7.1. Nguyên tắc ghi nhận**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

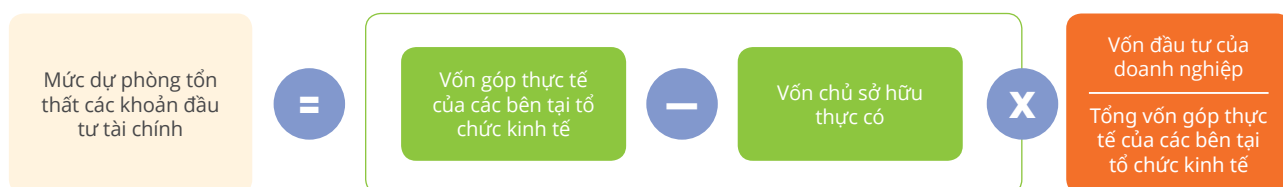
Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền":
  - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
  - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

**7.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**

**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức:



**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

**Chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước ngắn hạn:** Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

**Chi phí trả trước dài hạn:** Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí quảng cáo, bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí sử dụng phần mềm.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 03 năm.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa đầy đủ chứng từ được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó có đủ chứng từ, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm: Trích trước chi phí các công trình đã ghi nhận doanh thu.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức:** Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

### 13. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### 14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### 14.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### 14.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 14.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo biên bản quyết toán A-B, biên bản nghiệm thu giai đoạn, bảng xác định khối lượng hoàn thành.

### 15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 16.1. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính...

#### 16.2. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

#### 17.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### 17.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được

xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

## 18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### 18.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các bên liên quan:** Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

### Tiền

Đơn vị: VND

1

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tiền mặt	32.104.035.982	42.725.769.306
2 Tiền gửi ngân hàng	121.706.848.452	229.725.271.642
Tiền gửi VND	121.431.916.888	—
Tiền gửi USD	274.931.564	—
3 Các khoản tương đương tiền	82.764.436.759	87.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>236.575.321.193</b>	<b>360.151.040.948</b>

### Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị: VND

2

	SỐ CUỐI QUÝ		SỐ ĐẦU NĂM	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn	—	—	—	5.123.896.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	—	—	—	5.123.896.000
<b>Cộng</b>	<b>—</b>	<b>—</b>	<b>—</b>	<b>5.123.896.000</b>

### Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị: VND

3

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 BHXH nộp thừa	7.656.050	—
2 Phải thu tiền BHXH, BHYT, BHTN của CNV	—	9.113.461
3 Công ty CP FECON Nghi Sơn	513.086.815	—
4 Công ty CP FECON Holdings	—	1.000.000.000
5 Công ty TNHH MTV Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	—
6 Đặt cọc dự thầu	151.000.000	—
7 Phải thu CBCNV	32.677.000	—
8 Phải thu khác	401.989.258	150.797.632
<b>Cộng</b>	<b>5.522.242.733</b>	<b>1.159.911.093</b>

### Hàng tồn kho

Đơn vị: VND

4

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Nguyên liệu, vật liệu	11.613.305.456	11.762.709.981
2 Công cụ, dụng cụ	47.854.500	35.482.312
3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.827.127.391	100.205.342.866
4 Thành phẩm	3.530.437.648	1.313.192.743
5 Hàng gửi bán	593.501.519	149.632.641
<b>Cộng giá gốc</b>	<b>155.612.226.514</b>	<b>113.466.360.543</b>

### Tài sản ngắn hạn khác

Đơn vị: VND

5

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tạm ứng	91.600.447.691	25.685.580.937
2 Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	59.400.000	59.400.000
<b>Cộng</b>	<b>91.659.847.691</b>	<b>25.744.980.937</b>



## 8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
1 Tại ngày 01/01/2014	11.861.884.564	189.369.304.336	16.516.958.459	355.544.009	6.131.704.710	224.235.396.078
Mua trong năm	146.713.800	180.595.402.133	5.719.370.742	213.473.477	4.319.418.166	190.994.378.318
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	51.365.995	-	-	51.365.995
Thanh lý, nhượng bán	-	(149.755.164.177)	-	-	-	(149.755.164.177)
Giảm khác	-	(686.789.734)	-	-	-	(686.789.734)
2 Tại ngày 31/12/2014	12.008.598.364	219.522.752.558	22.287.695.196	569.017.486	10.451.122.876	264.839.186.480
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1 Tại ngày 01/01/2014	3.914.343.702	77.710.798.026	9.219.487.653	354.531.829	1.331.366.024	92.530.527.234
Khấu hao trong năm	622.856.329	26.034.173.288	3.152.731.078	64.116.415	1.306.073.785	31.179.950.895
Tăng khác	-	815.850.120	-	-	-	815.850.120
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.215.473.094)	-	-	-	(9.215.473.094)
Giảm khác	-	(1.955.474.285)	-	-	-	(1.955.474.285)
2 Tại ngày 31/12/2014	4.537.200.031	93.389.874.055	12.372.218.731	418.648.244	2.637.439.809	113.355.380.870
<b>III Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
1 Tại ngày 01/01/2014	7.947.540.862	111.658.506.310	7.297.470.806	1.012.180	4.800.338.686	131.704.868.844
2 Tại ngày 31/12/2014	7.471.398.333	126.132.878.503	9.915.476.465	150.369.242	7.813.683.067	151.483.805.610

## Thông tin bổ sung

6

## Chi phí trả trước ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Công cụ, dụng cụ xuất dùng	261.688.354	376.128.376
2 Chi phí quảng cáo	43.355.612	99.900.000
3 Chi phí bảo hiểm	270.714.868	183.749.564
4 Chi phí sửa chữa văn phòng	-	50.481.025
5 Chi phí mua phần mềm	80.458.333	44.458.333
6 Chi phí sửa chữa xe, máy móc	-	10.995.577
7 Chi phí bảo hộ	792.008.167	81.593.283
8 Chi phí thuê văn phòng	391.562.909	327.338.000
9 Chi phí tuyển dụng	3.547.500	-
10 Chi phí thuê phòng thí nghiệm	88.000.000	-
11 Chi phí khác	534.565.326	117.582.067
<b>Cộng</b>	<b>2.465.901.069</b>	<b>1.292.226.225</b>

7

## Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình thuê tài chính</b>		
1 Tại ngày 01/01/2014	91.176.280.777	91.176.280.777
Thuê tài chính trong năm	133.278.839.647	133.278.839.647
Giảm khác	(4.895.100.700)	(4.895.100.700)
2 Tại ngày 01/01/2014	219.560.019.724	219.560.019.724
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
1 Tại ngày 01/01/2014	19.245.608.529	19.245.608.529
Khấu hao trong năm	16.336.843.275	16.336.843.275
Giảm khác	(815.850.120)	(815.850.120)
2 Tại ngày 31/12/2014	34.766.601.684	34.766.601.684
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
1 Tại ngày 01/01/2014	71.930.672.248	71.930.672.248
2 Tại ngày 31/12/2014	184.793.418.040	184.793.418.040

**9** Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng	
<b>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>					
1	Tại ngày 01/01/2014	25.452.210.900	301.152.952	515.727.757	26.269.091.609
	Mua trong năm	44.329.574.219	275.000.000	—	44.604.574.219
2	Tại ngày 01/01/2014	69.781.785.119	576.152.952	515.727.757	70.873.665.828
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1	Tại ngày 01/01/2014	1.933.066.310	239.370.758	265.493.709	2.437.930.777
	Khấu hao trong năm	996.779.271	108.809.930	35.292.504	1.140.881.705
2	Tại ngày 31/12/2014	2.929.845.581	348.180.688	300.786.213	3.578.812.482
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>					
1	Tại ngày 01/01/2014	23.519.144.590	61.782.194	250.234.048	23.831.160.832
2	Tại ngày 31/12/2014	66.851.939.538	227.972.264	214.941.544	67.294.853.346

**10** Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm	
1	Chi phí san lấp mặt bằng - Xây dựng nhà học sinh	—	159.525.000
2	Chi phí gia công máy thi công cọc cát	—	88.658.339
3	Chi phí đầu tư sàn Mipec - Tây Sơn	—	38.144.838.862
4	Chi phí xây dựng phần mềm quản lý SAP	15.012.966.845	—
5	Chi phí xây dựng trường học	188.116.000	—
	<b>Cộng</b>	<b>15.201.082.845</b>	<b>38.393.022.201</b>

**11** Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>17.980.300</b>	<b>235.458.510.682</b>	<b>12.750.000</b>	<b>140.502.458.551</b>
Công ty CP Khoáng sản FECON	14.760.000	163.947.857.047	9.750.000	110.894.040.190
Công ty CP FECON NGHI SƠN	—	—	3.000.000	29.608.418.361
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải	3.220.300	71.510.653.635	—	—
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>11.309.164</b>	<b>113.091.640.000</b>	<b>833.164</b>	<b>8.331.640.000</b>
Công ty CP Khoáng sản Hải Đăng	133.164	1.331.640.000	133.164	1.331.640.000
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1	7.000.000	70.000.000.000	—	—
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng FCC	3.476.000	34.760.000.000	—	—
	<b>Cộng</b>	<b>29.289.464</b>	<b>13.583.164</b>	<b>148.834.098.551</b>

**12** Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm	
1	Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.053.058.107	3.316.520.231
2	Chi phí quảng cáo, bảo hiểm	137.083.333	364.174.613
3	Chi phí sửa chữa văn phòng	938.074.754	132.220.554
4	Chi phí thuê văn phòng	4.793.824.106	4.909.337.942
5	Chi phí sử dụng phần mềm	116.633.333	—
6	Chi phí khác	317.414.081	6.770.169
	<b>Cộng</b>	<b>13.356.087.714</b>	<b>8.729.023.509</b>



13

Tài sản dài hạn khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ký cược, ký quỹ dài hạn</b>	<b>4.202.274.888</b>	<b>2.392.274.888</b>
1 Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.713.556.680	1.713.556.680
2 Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chalease	—	50.000.000
3 Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.860.000.000	—
4 Công ty Cổ phần Long Hậu	—	628.718.208
5 Đặt cọc tiền nhà	628.718.208	—
<b>Cộng</b>	<b>4.202.274.888</b>	<b>2.392.274.888</b>

14

Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>189.209.190.765</b>	<b>133.522.660.672</b>
<b>Vay ngắn hạn VND</b>	<b>189.209.190.765</b>	<b>133.522.660.672</b>
1 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô ❶	121.070.567.392	67.500.000.000
2 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm ❷	62.612.348.514	66.022.660.672
3 Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Thái Bình ❸	4.177.250.000	—
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM	1.349.024.859	—
<b>Vay đối tượng khác</b>	<b>—</b>	<b>47.938.241.583</b>
Công ty Shanghai Harbour Brunei	—	47.938.241.583
<b>Cộng</b>	<b>189.209.190.765</b>	<b>181.460.902.255</b>

❶ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.13265.14/HĐTD ngày 30/06/2014  
 Hạn mức: 300.000.000.000 VND  
 Mục đích vay: Vay bù đắp đầu tư máy, thiết bị  
 Lãi suất: Biến đổi  
 Thời hạn cho vay: Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể  
 Biện pháp đảm bảo: Tín chấp

❷ Hợp đồng tín dụng số HK1-HĐTD/14103 ngày 18/06/2014  
 Hạn mức: 500.000.000.000 VND  
 Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh  
 Lãi suất: Biến đổi, lãi suất tại ngày ký hợp đồng là 8,8%/năm  
 Thời hạn vay: Tối đa 8 tháng cho mỗi lần nhận nợ

Biện pháp đảm bảo: Thế chấp cầm cố tài sản của Bên Vay, Bên thứ ba; Bảo lãnh của bên thứ ba; toàn bộ số dư tài khoản bằng tiền VND và ngoại tệ của Bên vay tại Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác.

Tài sản đảm bảo:

- 01 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 2.147 triệu đồng;
- 02 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 4.136 triệu đồng;
- 03 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 8.513 triệu đồng;
- 01 ô tô hiệu TOYOTA - PRADO, BKS 30T-9868, giá trị 388 triệu đồng;
- 02 ô tô hiệu FORD EVEREST, BKS 30U-6472 và 30U-6059, giá trị 288 triệu đồng;
- 01 máy ép cọc bê tông, 03 búa đóng cọc HD62 và 01 búa đóng cọc TD62, giá trị 11.853 triệu đồng;
- Sàn tầng 15 tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, giá trị 284 triệu đồng;
- 02 sổ tiết kiệm của bà Nguyễn Anh Tuyết, giá trị 1.600 triệu đồng;

Tổng giá trị 36.511 triệu đồng

❸ Hợp đồng tín dụng số 001/2014/HĐTD-HM/PVB-CNTB

Hạn mức:

- Cho vay ngắn hạn: 50.000.000.000 VND
- Bảo lãnh: 50.000.000.000 VND

Mục đích: Bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh

Lãi suất: Biến đổi

Thời hạn cho vay: Tối đa 9 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay và được ghi cụ thể cho từng Kế ước nhận nợ.  
 Biện pháp đảm bảo: Các khoản phải thu đã hình thành của bên được cấp tín dụng, trong đó ưu tiên nhận một trong các khoản phải thu đã hình thành của các công trình FECON thi công trong ngành dầu khí( như dự án Long Phú 1, Nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn...) và ký thỏa thuận quản lý nguồn thu đã hình thành này.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Thuế GTGT	30.265.844.459	5.947.483.853
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.517.450.404	45.251.007.270
3 Thuế thu nhập cá nhân	491.711.413	112.658.330
<b>Cộng</b>	<b>57.275.006.276</b>	<b>51.311.149.453</b>

15

Chi phí phải trả

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Trích phí phí các công trình	207.412.757.245	171.986.020.643
2 Trích tiền ăn ca công nhân, điện thoại	71.223.333	—
<b>Cộng</b>	<b>207.483.980.578</b>	<b>171.986.020.643</b>

16

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Kinh phí công đoàn	125.388.910	78.332.175
2 Bảo hiểm xã hội	236.677.714	99.132.985
3 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	143.007.840	498.228.425
<b>Cộng</b>	<b>505.074.464</b>	<b>675.693.585</b>

17

## 19.1 Vốn chủ sở hữu &amp; Bảng đối chiếu biến động

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LNST chưa phân phối	Cộng
<b>1</b> Tại ngày 01/01/2013	138.051.620.000	35.604.060.321	18.876.706.667	9.438.353.334	162.295.552.136	364.266.292.458
Tăng vốn trong năm trước	259.539.560.000	2.176.523.500				261.716.083.500
Lãi tăng trong năm trước			17.677.957.579	8.838.978.789	102.332.184.559	128.849.120.927
Giảm khác		(3.241.600.000)	(1.396.885.530)	(6.798.442.765)	(126.876.460.446)	(138.313.388.741)
<b>2</b> Tại ngày 31/12/2014	397.591.180.000	34.538.983.821	35.157.778.716	11.478.889.358	137.751.276.249	616.518.108.144
<b>3</b> Tại ngày 01/01/2014	397.591.180.000	34.538.983.821	35.157.778.716	11.478.889.358	137.751.276.249	616.518.108.144
Tăng vốn trong kỳ	59.637.360.000					59.637.360.000
Lãi tăng trong kỳ						
Tăng khác			4.018.384.153	2.009.190.077	117.445.409.368	117.445.409.368
Giảm khác *					(132.201.658.373)	(132.201.658.373)
<b>4</b> Tại ngày 31/12/2014	457.228.540.000	34.538.983.821	39.176.162.869	13.488.079.435	189.370.401.067	733.802.167.192

## \* Giảm khác

1	Quỹ đầu tư phát triển	9.475.863.540
2	Quỹ dự phòng tài chính	2.009.190.077
3	Quỹ khen thưởng	2.319.673.625
4	Quỹ phúc lợi	2.578.115.191
5	Trả cổ tức	39.759.118.000
6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	39.757.810.000
7	Thù lao Hội đồng quản trị	2.012.334.207
8	Chi phí nhận chuyển nhượng sản Mippec **	3.600.592.028
9	Giảm khác	30.688.961.705
<b>Cộng</b>		<b>132.201.658.373</b>

\*\* Là khoản chi bù đắp chi phí cho chủ đầu tư để mua quyền sử dụng mặt sân tầng 12, tòa nhà Mippec Tower số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Đơn vị: VNĐ

## Vay và nợ dài hạn

18

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>18.1. Vay dài hạn</b>	<b>243.175.206.383</b>	<b>8.293.254.000</b>
1 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm <sup>1</sup>	3.265.625.000	4.750.000.000
2 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long <sup>2</sup>	2.453.022.000	3.543.254.000
3 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	494.500.000	-
4 Công ty TNHH Xử lý nền đất yếu Shanghai Harbour Brunei <sup>3</sup>	41.377.059.383	-
5 Trái phiếu phát hành <sup>4</sup>	195.585.000.000	-
<b>18.2. Nợ dài hạn</b>	<b>119.862.376.304</b>	<b>32.299.724.835</b>
1 Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	45.421.234.694	30.533.603.197
2 Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Chalease	388.639.610	1.766.121.638
3 Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	74.052.502.000	-
<b>Cộng</b>	<b>363.037.582.687</b>	<b>40.592.978.835</b>

- <sup>1</sup> Hợp đồng tín dụng trung hạn số HK1-HĐTD/1009 ngày 26/12/2012  
Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh  
Thời hạn cho vay: 36 tháng  
Lãi suất: Bằng lãi suất tiền gửi cá nhân 12 tháng cộng biên độ 2,8%/năm  
Tài sản đảm bảo: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay
- <sup>2</sup> Hợp đồng tín dụng số 04.04/HĐTD2012/NT-FECON  
Số tiền: 5.451.160.000 VNĐ  
Mục đích: Vay bù đắp đầu tư máy, thiết bị  
Thời hạn cho vay: 60 tháng  
Lãi suất: Thả nổi, tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm  
Tài sản đảm bảo:  
Cho vay không có bảo đảm tài sản, Áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là giá trị cacfs máy thi công bao gồm: 02 Máy ép thủy lực DTZ718, số serial 1201-01; 1201-02 được nhập khẩu từ Trung Quốc mới 100%.  
Giá trị: 10.902.320.000 đồng.
- <sup>3</sup> Hợp đồng vay số 01/HĐ/FCSH - SHBR ngày 01/06/2011; Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH - SHBR ngày 02/05/2012; Thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng; Lãi suất vay 0%/tháng; Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014 là 1.935.768,86 USD.
- <sup>4</sup> Hợp đồng Trái phiếu chuyển đổi giữa Japan South East Asia Growth Fund L.P. và Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON ngày 24 tháng 05 năm 2014.



Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Đơn vị: VNĐ

19.2

	Số năm nay	Số năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	457.228.540.000	397.591.180.000
1 Vốn góp đầu năm	397.591.180.000	138.051.620.000
2 Vốn góp tăng trong năm	59.637.360.000	259.539.560.000
3 Vốn góp giảm trong năm	—	—
4 Vốn góp cuối năm	457.228.540.000	397.591.180.000

Cổ phiếu

Đơn vị: VNĐ

19.3

	Số năm nay	Số năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.722.854	39.759.118
Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	45.722.854	39.759.118
1 Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	39.759.118
2 Cổ phiếu ưu đãi	—	—
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.722.854	39.759.118
1 Cổ phiếu phổ thông	45.722.854	39.759.118
2 Cổ phiếu ưu đãi	—	—

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

Các quỹ của doanh nghiệp

Đơn vị: VNĐ

19.4

	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Quỹ đầu tư phát triển	39.176.162.869	35.157.778.716
2 Quỹ dự phòng tài chính	13.488.079.435	11.478.889.358

## VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu

Đơn vị: VNĐ

20

	Số năm nay	Số năm trước
1 Doanh thu bán hàng	252.929.237.095	191.789.703.283
2 Doanh thu xây lắp	868.294.027.975	1.007.106.846.502
3 Doanh thu cung cấp dịch vụ	232.746.203.798	5.830.645.805
<b>Cộng</b>	<b>1.353.969.468.868</b>	<b>1.204.727.195.590</b>

Giá vốn hàng bán

Đơn vị: VNĐ

21

	Số năm nay	Số năm trước
1 Giá vốn hàng bán	215.032.080.499	128.183.683.838
2 Giá vốn hoạt động xây lắp	702.324.764.914	866.088.908.006
3 Giá vốn cung cấp dịch vụ	180.583.307.563	6.337.237.517
<b>Cộng</b>	<b>1.097.940.152.976</b>	<b>1.000.609.829.361</b>

Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị: VNĐ

22

	Số năm nay	Số năm trước
1 Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.245.349.161	3.016.672.088
2 Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.478.784.000	9.750.000.000
3 Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.435.870	182.017.588
4 Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	274.502.623	1.345.982
<b>Cộng</b>	<b>11.001.071.654</b>	<b>12.950.035.658</b>

Chi phí tài chính

Đơn vị: VNĐ

23

	Số năm nay	Số năm trước
1 Chi phí lãi vay, chi phí thuê tài chính	28.426.164.059	18.157.221.550
2 Chiết khấu thanh toán, lãi chậm trả	—	440.849.122
3 Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	124.323.839	255.042.726
4 Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.328.105.256	1.892.595.931
5 Chi phí tài chính khác	212.559	19.144.630,00
<b>Cộng</b>	<b>30.878.805.713</b>	<b>20.764.853.959</b>

24

Thu nhập khác

Đơn vị: VND

	Số năm nay	Số năm trước
1 Thu từ thanh lý và bán TSCĐ cho các công ty cho thuê tài chính	140.147.930.556	25.414.300.443
2 Thu nhập từ bán phế liệu, sản phẩm lỗi thời	9.873.747	1.240.000
3 Điều chỉnh công nợ	160.000.000	—
4 Điều chỉnh thu nhập khác năm 2013	(41.780.000)	—
5 Thu nhập khác	126.418.665	76.430.317
<b>Cộng</b>	<b>140.402.442.968</b>	<b>25.491.970.760</b>

Chi phí khác

Đơn vị: VND

25

	Số năm nay	Số năm trước
1 Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và bán cho các công ty cho thuê tài chính	140.525.691.084	23.256.809.170
2 Chi phí phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	8.646.844.097	—
3 Chi phí khác	512.299.683	174.469.700
<b>Cộng</b>	<b>149.684.834.864</b>	<b>23.431.278.870</b>

Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Đơn vị: VND

26

	Số năm nay	Số năm trước
1 Công ty CP Khoáng sản FECON	8.865.600.857	12.627.458.551
2 Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải	8.557.003.635	—
<b>Cộng</b>	<b>17.422.604.492</b>	<b>12.627.458.551</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đơn vị: VND

27

Chỉ tiêu	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	33.922.428.969	26.532.944.649

28

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị: VND

	Số năm nay	Số năm trước
1 Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	135.212.410.814	116.860.312.101
2 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	4.905.630.463	14.528.127.542
3 Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	130.306.780.350	102.332.184.559
4 Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ *	42.830.851	21.802.453
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>3.042</b>	<b>4.694</b>

\* Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ:

Ngày	Sự kiện	Khối lượng lưu hành thực tế	Khối lượng tăng	Số ngày lưu hành trong kỳ
27/06/2014	Khối lượng đầu kỳ	39.759.118	—	—
27/06/2014	Phát hành thêm 5.963.736CP	45.722.854	5.963.736	188
<b>Số lượng CP Lưu hành bình quân</b>		<b>=</b>	<b>Khối lượng CP đầu kỳ</b> <b>+</b> $\frac{\Sigma [(1) \times (2)]}{181}$	<b>=</b> <b>42.830.851</b>

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ, cổ phiếu ngân quỹ, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
1 Tiền, các khoản tương đương tiền	236.575.321.193	236.575.321.193
2 Đầu tư tài chính ngắn hạn	—	—
3 Đầu tư tài chính dài hạn	348.550.150.682	348.550.150.682
4 Các khoản phải thu khách hàng	910.131.285.563	905.710.975.263
5 Trả trước cho người bán	13.753.542.130	13.753.542.130
6 Phải thu khác	5.522.242.733	5.522.242.733



**1.3. Công nợ tài chính**

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh..

STT	Hạng mục	Số dư ngày 31/12/2014
1	Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	552.246.773.452
2	Phải trả người bán	553.584.197.758
3	Người mua trả tiền trước	6.657.059.371
4	Phải trả khác	505.074.464

**1.4. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

● **Rủi ro thị trường:** Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

● **Rủi ro tín dụng:** bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	553.584.197.758	—	553.584.197.758
Người mua trả trước	6.657.059.371	—	6.657.059.371
Phải trả khác	505.074.464	—	505.074.464
Vay ngắn hạn	189.209.190.765	—	189.209.190.765
Vay dài hạn	—	363.037.582.687	363.037.582.687

**1.5. Tài sản đảm bảo**

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng vay	Tài sản đảm bảo
1	Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐTD/14103 ngày 18/06/2014, Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>01 ROBOT ép cóc tự hành, giá trị 2.147 triệu đồng;</li> <li>02 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 4.136 triệu đồng;</li> <li>03 ROBOT ép cọc tự hành, giá trị 8.513 triệu đồng;</li> <li>01 ô tô hiệu TOYOTA - PRADO, BKS 30T 9868, giá trị 388 triệu đồng;</li> <li>02 ô tô hiệu FORD EVEREST. BKS 30 U - 6472 và 30U 6059, giá trị 288 triệu đồng;</li> <li>01 máy ép cọ bê tông, 03 búa đóng cọc HD62 và 01 búa đóng cọc TD62, giá trị 11.853 triệu đồng;</li> </ul>

STT	Hợp đồng vay	Tài sản đảm bảo
1	Hợp đồng cấp tín dụng số HKI-HĐTD/14103 ngày 18/06/2014, Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	<p>(...tiếp theo)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Sàn tầng 15 tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, giá trị 11.853 triệu đồng;</li> <li>01 ô tô FORD EVEREST, BKS 31H - 0312, giá trị 284 triệu đồng;</li> <li>02 sổ tiết kiệm của bà Nguyễn Ánh Tuyết, giá trị 1.600 triệu đồng;</li> <li>Máy đóng cọc bánh xích đã qua sử dụng, giá trị 2.596 triệu đồng.</li> </ul> <p><b>Tổng giá trị: 36.511.000.000 đồng.</b></p>
2	Hợp đồng tín dụng số 001/2014/HĐTD-HM/PVB-CNTB tháng 07 năm 2014, vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Biện pháp đảm bảo: Các khoản phải thu đã hình thành của bên được cấp tín dụng, trong đó ưu tiên nhận một trong các khoản phải thu đã hình thành của các công trình FECON thi công trong ngành dầu khí (như dự án Long Phú 1, Nhiệt điện Thái Bình, Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn...) và ký thoả thuận quản lý nguồn thi đã hình thành này
3	Hợp đồng tín dụng số 04.04/HĐTD2012/NT-FECON, ngày 06/04/2012, vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Cho vay không có bảo đảm tài sản, Áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là giá trị cacfs máy thi công bao gồm: 02 Máy ép thủy lực DTZ718, số serial 1201-01; 1201-02 được nhập khẩu từ Trung Quốc mới 100%. <b>Giá trị: 10.902.320.000 đồng.</b>

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị giao dịch (VNĐ)	
		Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>83.777.621.210</b>	<b>77.118.214.901</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	49.940.375.048	69.218.733.739
Công ty TNHH Đầu tư FECON	Công ty con	—	67.841.653
Công ty CP Xử lý nền FECON Shanghai Harbour	Công ty con	250.395.585	2.720.089.350
Công ty CP FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	—	3.474.394.000
Công ty TNHH Cơ khí chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	30.002.737.005	—
Viện nền móng và Công trình ngầm	Công ty con	3.584.113.572	1.637.156.159
Phí dịch vụ văn phòng		485.052.930	403.205.782
Cho thuê máy móc thiết bị		219.875.990	745.667.159
Cung cấp thiết bị		2.853.313.224	488.283.218
Chi phí vận chuyển		25.871.428	—
<b>II. Mua hàng và sử dụng dịch vụ</b>		<b>643.274.473.517</b>	<b>557.632.335.655</b>
Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty con	24.363.019.481	73.341.467.787
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	49.251.040.245	19.801.716.000
Viện nền móng và Công trình ngầm	Công ty con	35.582.946.350	27.382.530.725
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	Công ty liên kết	534.077.467.441	437.106.621.143

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giá trị (VNĐ)	
		31/12/2014	01/01/2014
<b>Phải thu khách hàng</b>		—	<b>6.277.874.847</b>
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	Công ty liên kết	—	3.821.833.400
Công ty TNHH Đầu tư FECON - CN Hà Nội	Công ty con	—	188.944.912
Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty con	—	2.267.096.535
<b>Phải trả người bán</b>		<b>433.950.950.783</b>	<b>285.341.402.995</b>
Công ty Cổ phần Xử lý nền FECON SHANGHAI	Công ty liên kết	127.913.938.134	127.944.064.573
Công ty Cổ phần FECON MILTEC	Công ty con	1.805.320.440	655.685.222
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON		291.199.849.304	148.543.145.523
Viện nền móng và Công trình ngầm		13.031.842.905	8.198.507.677

### 3. Báo cáo bộ phận

#### 3.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại hình hoạt động sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### 3.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Thương mại	Xây lắp	Dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	252.929.237.095	868.294.027.975	232.746.203.798	1.353.969.468.868
Giá vốn	215.032.080.499	702.324.764.914	180.583.307.563	1.097.940.152.976
Lợi nhuận gộp	37.897.156.596	165.969.263.061	52.162.896.235	256.029.315.892
Doanh thu hoạt động tài chính	—	—	—	11.001.071.654
Doanh thu khác	—	—	—	140.402.442.968
Chi phí không phân bổ	—	—	—	255.534.318.619
Lợi nhuận kế toán trước thuế	—	—	—	169.321.116.387

### 4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam, với một số chỉ tiêu đã được trình bày lại cho phù hợp với chế độ kế toán hiện hành, để so sánh với số liệu năm nay.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

LƯU THỊ THANH HUYỀN

Kế toán trưởng

TRƯƠNG TUẤN TÚ

Tổng Giám đốc

PHẠM VIỆT KHOA





# FECON

**Listen to the Earth  
Conquer the Height**

*Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao*